

**Phụ lục I****THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)***PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG****1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

<b>STT</b>	<b>Tên TTHC</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện</b>
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>			
1	Điều chỉnh quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản; quy hoạch khoáng sản nhóm I; quy hoạch khoáng sản nhóm II	(1) Điều 11 Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Điều 6 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (3) Điều 53, Điều 54 Luật Quy hoạch năm 2025; (4) Điều 59, Điều 60 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ
2	Xác định, phê duyệt, điều chỉnh tiên cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi	(1) Điều 96 và Điều 97 của Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Điều 131 và Điều 136 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
	khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(3) Phụ lục Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.		
3	Xác định, phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	(1) Điều 96 và Điều 97 của Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Điều 131 và Điều 136 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Phụ lục Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG</b>			
1	Xác định, phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản tại khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố hoặc khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố	(1) Điều 96 và Điều 97 của Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Điều 131 và Điều 136 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (3) Phụ lục Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

**2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>				
1	5.003355	Lập, phê duyệt chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng	(1) Điều 10 Luật Địa chất và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Luật số 147/2025/QH15.	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ
2	5.003386	Lập, phê duyệt quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản; quy hoạch khoáng sản nhóm I; quy hoạch khoáng sản nhóm II <sup>1</sup>	(1) Điều 9 Luật Quy hoạch năm 2025; (2) Điều 9 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ; (3) Điều 6 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ
3	5.003356	Khoanh định, công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ	(1) Điều 27 Luật Địa chất và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Luật số 147/2025/QH15; (2) Điều 17 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

<sup>1</sup> Tên TTHC “*Lập, phê duyệt quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản*” được công bố tại Quyết định số 3771/QĐ-BNNMT ngày 16/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
4	5.003357	Khai thác thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản <sup>2</sup>	(1) Điều 10, Điều 11 và Phụ lục III Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.	Địa chất và khoáng sản	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam
5	5.003358	Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	(1) Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Luật số 147/2025/QH15; (2) Điều 12, Điều 13 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
6	5.003359	Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh, công bố khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh <sup>3</sup>	(1) Điều 100 Luật Địa chất và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Luật số 147/2025/QH15; (2) Điều 143a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
7	5.003367	Thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản	(1) Điều 48 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

<sup>2</sup> Tên TTHC “Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản” được công bố tại Quyết định số 3771/QĐ-BNNMT ngày 16/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

<sup>3</sup> Tên TTHC “Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” được công bố tại Quyết định số 3771/QĐ-BNNMT ngày 16/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			(2) Phụ lục Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.		
8	5.003369	Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản <sup>4</sup>	(1) Điều 71, Điều 72 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
9	5.003370	Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1) Điều 86 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10	5.003373	Lập, phê duyệt, công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản	(1) Điều 101 Luật Địa chất và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Luật số 147/2025/QH15; (2) Điều 144 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

<sup>4</sup> TTHC “Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV” ban hành tại Quyết định số 3771/QĐ-BNNMT ngày 16/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại TTHC này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG</b>				
1	5.003377	Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh, công bố khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường <sup>5</sup>	(1) Điều 100 Luật Địa chất và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 của Luật số 147/2025/QH15; (2) Điều 143a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	5.003378	Khoanh định, điều chỉnh, công bố khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia <sup>6</sup>	(1) Điều 29 Luật Địa chất và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Luật số 147/2025/QH15; (2) Điều 18 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	5.003381	Thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản	(1) Điều 48 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

<sup>5</sup> Tên TTHC “Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được công bố tại Quyết định số 3771/QĐ-BNNMT ngày 16/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

<sup>6</sup> Tên TTHC “Khoanh định, công bố khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia” được công bố tại Quyết định số 3771/QĐ-BNNMT ngày 16/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
4	5.003382	Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Điều 71, Điều 72 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	5.003383	Lập, phê duyệt, công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản	(1) Điều 101 Luật Địa chất và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Luật số 147/2025/QH15; (2) Điều 144 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

### 3. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>				
1	5.003375	Xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng	(1) Điều 126 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
		sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư <sup>7</sup>	(2) Phụ lục Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.		
2	5.003389	Lập, phê duyệt quy hoạch khoáng sản nhóm I, quy hoạch khoáng sản nhóm II <sup>8</sup>	(1) Điều 11 Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Điều 6 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ
3	5.003371	Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	(1) Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG</b>				
1	5.003384	Xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản	(1) Điều 96 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Điều 126 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

<sup>7</sup> Nội dung xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư được công bố tại các TTHC cấp giấy phép khai thác khoáng sản, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản ban hành kèm theo Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

<sup>8</sup> Nội dung lập, phê duyệt quy hoạch khoáng sản nhóm I, quy hoạch khoáng sản nhóm II được công bố tại TTHC “Lập, phê duyệt quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản; quy hoạch khoáng sản nhóm I; quy hoạch khoáng sản nhóm II” trong Phụ lục này.

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện</b>
		sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư <sup>9</sup>	(3) Phụ lục Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.		
2	5.003380	Điều chỉnh, công bố khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia <sup>10</sup>	(1) Điều 29 Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Điều 18 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

<sup>9</sup> Nội dung xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư được công bố tại các TTHC cấp giấy phép khai thác khoáng sản, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản ban hành kèm theo Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

<sup>10</sup> Nội dung điều chỉnh, công bố khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được công bố tại TTHC Khoanh định, điều chỉnh, công bố khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia trong Phụ lục này.

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

#### **1. Lập, phê duyệt chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương có liên quan thực hiện: (1) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược giai đoạn trước; (2) Xây dựng đề cương lập quy hoạch, gửi xin ý kiến và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- *Bước 2:* Bộ Nông nghiệp và Môi trường dự thảo Chiến lược giai đoạn tiếp theo gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương có liên quan bằng văn bản. Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng phải có các nội dung chính sau đây:

+ Quan điểm chỉ đạo, mục tiêu trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; khai thác khoáng sản, tài nguyên địa chất; bảo vệ khoáng sản, tài nguyên địa chất chưa khai thác; thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản;

+ Định hướng điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và nghiên cứu khoa học trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản từng thời kỳ; phối hợp, lồng ghép các hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản của các Bộ, ngành, địa phương;

+ Định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất, khoáng sản bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả gắn với yêu cầu bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác;

+ Định hướng thăm dò, khai thác khoáng sản cho từng nhóm khoáng sản, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản sau khai thác trong kỳ lập chiến lược;

+ Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; khai thác, sử dụng khoáng sản, tài nguyên địa chất; bảo vệ khoáng sản, tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng; thăm dò, khai thác khoáng sản cho từng nhóm khoáng sản, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản sau khai thác; dự trữ khoáng sản quốc gia.

- *Bước 3*: Hoàn thiện dự thảo Chiến lược theo ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương có liên quan và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- *Bước 4*: Thủ tướng Chính phủ ký, ban hành Quyết định phê duyệt Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng.

**b) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**c) Thành phần hồ sơ:**

Dự thảo chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng.

**d) Thời gian thực hiện:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Thủ tướng Chính phủ.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản hoặc Quyết định phê duyệt Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng của Thủ tướng Chính phủ.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Việc lập chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng phải bảo đảm các nguyên tắc và căn cứ sau đây:

- Phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; chiến lược bảo vệ Tổ quốc; chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia; nhu cầu của thị trường thế giới;

- Bảo đảm tính phối hợp đồng bộ giữa hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản trên phạm vi cả nước; khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên địa chất, khoáng sản;

- Bảo đảm nhu cầu về khoáng sản, tài nguyên địa chất khác phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội;

- Kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản đã thực hiện; tiền đề và dấu hiệu địa chất liên quan đến tài nguyên địa chất, khoáng sản;

- Phù hợp với nguồn lực của Nhà nước theo từng thời kỳ.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15).

## **2. Lập, phê duyệt quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản; quy hoạch khoáng sản nhóm I; quy hoạch khoáng sản nhóm II**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xây dựng đề cương lập quy hoạch, gửi xin ý kiến và trình phê duyệt theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ; cụ thể:

+ Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam xây dựng đề cương lập quy hoạch ngành, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan;

+ Các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với đề cương lập quy hoạch ngành, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến;

+ Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ đề cương lập quy hoạch ngành, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt đề cương quy hoạch.

- *Bước 2:* Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức, lựa chọn tư vấn lập quy hoạch đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn quy định tại Điều 7 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- *Bước 3:* Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam xây dựng nội dung quy hoạch, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ; cụ thể:

+ Hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch và hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch trong thời gian ít nhất 30 ngày làm việc kể từ ngày gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch;

+ Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch. Nếu quá thời hạn gửi ý kiến bằng văn bản, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản thì được xem là đồng ý với hồ sơ lấy ý kiến đối với quy hoạch ngành và phải chịu trách nhiệm về các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý của cơ quan được lấy ý kiến;

+ Cộng đồng, cá nhân có ý kiến góp ý đối với hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch ngành trực tiếp trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch ngành hoặc gửi văn bản góp ý tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch ngành.

- *Bước 4:* Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ

quan ngang bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành (nếu có) nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của quy hoạch; báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Hội đồng thẩm định quy hoạch.

- *Bước 5:* Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch tổ chức lấy ý kiến và họp Hội đồng thẩm định quy hoạch theo quy định tại Điều 40 và Điều 41 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ.

- *Bước 6:* Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- *Bước 7:* Thủ tướng Chính phủ ký, ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch.

- *Bước 8:* Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức công bố, công khai trên hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch, công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Hình thức công bố, công khai quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 43 của Luật Quy hoạch.

**b) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**c) Thành phần hồ sơ:**

*(1) Hồ sơ xin ý kiến đối với đề cương lập quy hoạch:*

- Văn bản xin ý kiến đối với đề cương lập quy hoạch;
- Dự thảo đề cương lập quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt đề cương lập quy hoạch.

*(2) Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt đề cương lập quy hoạch:*

- Tờ trình quyết định hoặc phê duyệt đề cương lập quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt đề cương lập quy hoạch;
- Đề cương lập quy hoạch đã tiếp thu, hoàn thiện;
- Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đối với đề cương lập quy hoạch.

*(3) Hồ sơ trình thẩm định gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:*

- Tờ trình;
- Báo cáo thuyết minh quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;
- Hệ thống sơ đồ quy hoạch, cơ sở dữ liệu về quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (nếu có);
- Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch.

*(4) Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch bao gồm:*

- Tờ trình;
- Báo cáo thuyết minh quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;
- Hệ thống sơ đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch;
- Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (nếu có);
- Báo cáo thẩm định quy hoạch;
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

**d) Thời hạn giải quyết:** Thời gian lập quy hoạch (khoảng thời gian tính từ ngày lựa chọn được tổ chức tư vấn lập quy hoạch đến khi trình thẩm định quy hoạch) không quá 18 tháng và phải bảo đảm quy hoạch được trình phê duyệt chậm nhất không quá 03 tháng tính từ ngày quy hoạch tổng thể quốc gia được quyết định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Thủ tướng Chính phủ.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản hoặc Quyết định phê duyệt quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Luật Quy hoạch (Luật số 112/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch.

### **3. Điều chỉnh quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản; quy hoạch khoáng sản nhóm I; quy hoạch khoáng sản nhóm II**

#### **3.1. Điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục thông thường**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Bộ Nông nghiệp và Môi trường đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định tại Điều 49 của Luật Quy hoạch; trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch.

- *Bước 2:* Sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ; cụ thể:

+ Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xây dựng đề cương lập quy hoạch, gửi xin ý kiến và trình phê duyệt theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ.

+ Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức, lựa chọn tư vấn lập quy hoạch đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn quy định tại Điều 7 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

+ Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam xây dựng nội dung quy hoạch, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ.

+ Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành (nếu có) nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của quy hoạch; báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Hội đồng thẩm định quy hoạch.

- *Bước 3:* Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định tổ chức thẩm định điều chỉnh quy hoạch theo hình thức tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

- *Bước 4:* Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- *Bước 5:* Thủ tướng Chính phủ ký, ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch.

- *Bước 6:* Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức công bố, công khai

trên hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch, công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Hình thức công bố, công khai quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 43 của Luật Quy hoạch.

**b) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**c) Thành phần hồ sơ:**

*(1) Hồ sơ xin ý kiến đối với đề cương lập quy hoạch:*

- Văn bản xin ý kiến đối với đề cương lập quy hoạch;
- Dự thảo đề cương lập quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt đề cương lập quy hoạch.

*(2) Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt đề cương lập quy hoạch:*

- Tờ trình quyết định hoặc phê duyệt đề cương lập quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt đề cương lập quy hoạch;
- Đề cương lập quy hoạch đã tiếp thu, hoàn thiện;
- Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đối với đề cương lập quy hoạch.

*(3) Hồ sơ trình thẩm định gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:*

- Tờ trình;
- Báo cáo thuyết minh quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;
- Hệ thống sơ đồ quy hoạch, cơ sở dữ liệu về quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (nếu có);
- Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch.

*(4) Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch bao gồm:*

- Tờ trình;
- Báo cáo thuyết minh quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;
- Hệ thống sơ đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch;
- Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (nếu có);

- Báo cáo thẩm định quy hoạch;
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Thủ tướng Chính phủ.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản hoặc Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Việc điều chỉnh quy hoạch được thực hiện trên cơ sở đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định tại Điều 49 của Luật Quy hoạch hoặc khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Có sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch;
- Có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, quy mô không gian lãnh thổ của quy hoạch;
- Do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, chiến tranh làm thay đổi mục tiêu, định hướng, tổ chức không gian lãnh thổ của quy hoạch;
- Do biến động bất thường của tình hình kinh tế - xã hội làm hạn chế nguồn lực thực hiện quy hoạch;
- Do sự phát triển của khoa học, công nghệ làm thay đổi cơ bản việc thực hiện quy hoạch;
- Do yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Luật Quy hoạch (Luật số 112/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính

phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch.

### **3.2 Điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định tại Điều 49 của Luật Quy hoạch và Điều 55 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ; xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, báo cáo bộ gửi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 59 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ.

Các cơ quan có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi xin ý kiến. Nếu quá thời hạn gửi ý kiến bằng văn bản, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản thì được xem là đồng ý với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch ngành và phải chịu trách nhiệm về các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý của cơ quan được lấy ý kiến;

- *Bước 2:* Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan có liên quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch;

- *Bước 3:* Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam ngành trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch;

- *Bước 4:* Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả điều chỉnh quy hoạch.

#### **b) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

(1) Hồ sơ gửi xin ý kiến quy hoạch bao gồm:

- Báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch;
- Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch bao gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch;
- Hệ thống sơ đồ, cơ sở dữ liệu có liên quan đến nội dung điều chỉnh quy hoạch.

(2) Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch bao gồm:

- Báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch;
- Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch bao gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt;
- Tờ trình quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch;
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch;
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan;
- Hệ thống sơ đồ, cơ sở dữ liệu có liên quan đến nội dung điều chỉnh quy hoạch.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Thủ tướng Chính phủ.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản hoặc Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Việc điều chỉnh quy hoạch được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Việc thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy Chính phủ; nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ về bảo đảm quốc phòng, an ninh, sắp xếp đơn vị hành chính, dự án quan trọng quốc gia làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch;

- Khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch;

- Việc điều chỉnh quy hoạch có nội dung mâu thuẫn theo quy định tại Điều 6 của Luật Quy hoạch;

- Việc điều chỉnh quy hoạch để phù hợp với quyết định đầu tư dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 48 của Luật Quy hoạch;

- Việc điều chỉnh một số chỉ tiêu hoặc yêu cầu kinh tế - kỹ thuật của công trình hoặc khu vực chức năng, khu vực phát triển được xác định trong định hướng, phương hướng phát triển ngành kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, khu vực phát triển trong quy hoạch nhưng không thay đổi mục tiêu phát triển của quy hoạch;

- Việc điều chỉnh phạm vi ranh giới của khu vực dự kiến điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quy hoạch tỉnh để phù hợp với thực tiễn triển khai nhưng không làm thay đổi mục tiêu, chỉ tiêu phát triển của quy hoạch tỉnh.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Luật Quy hoạch (Luật số 112/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch.

#### **4. Khoanh định, công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ (được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Địa chất và khoáng sản) gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) thông qua một trong các hình thức gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

- *Bước 2:* Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định các nội dung có liên quan đến việc chồng lấn với quy hoạch khoáng sản, phương án quản lý về địa chất, khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, mức độ nghiên cứu, độ tin cậy của tài liệu địa chất, đặc điểm phân bố khoáng sản, quy mô trữ lượng, tài nguyên khoáng sản và các vấn đề khác có liên quan.

- *Bước 3:* Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành nội dung quy định tại Bước 2 nêu trên, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ban hành quyết định phê duyệt kết quả khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ. Trường hợp không ban hành quyết định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và nêu rõ lý do.

Đối với những khu vực đã được điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản nhưng chưa có số liệu về tài nguyên dự tính (cấp 333), Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc đánh giá tiềm năng khoáng sản hoặc không đánh giá tiềm năng khoáng sản trước khi khoanh định, công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

- *Bước 4:* Kết quả khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã khoanh định được công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của địa phương nơi khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.

##### **c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ, trong đó nêu rõ các thông tin: Địa danh hành chính, tọa độ, diện tích; loại khoáng sản; đặc điểm phân bố khoáng sản và quy mô tài nguyên, trữ lượng của khoáng sản;

- Bản đồ khu vực đề nghị khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ được lập ở tỷ lệ 1:10.000, 1:5.000;

- Các văn bản liên quan đến khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản.

**d) Thời hạn giải quyết:** 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (không bao gồm thời gian công bố kết quả khoáng định).

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản hoặc Quyết định phê duyệt kết quả khoáng định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

## **5. Khai thác thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản**

### **5.1. Trường hợp khai thác thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản tại Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

##### *- Bước 1. Nộp hồ sơ*

Cơ quan nhà nước có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản gửi văn bản yêu cầu về Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (địa chỉ: số 06. Phạm Ngũ Lão, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội) theo hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia hoặc thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

##### *- Bước 2. Tiếp nhận, xử lý và trả kết quả*

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất có văn bản trả lời, nêu rõ nội dung đồng ý hoặc không đồng ý cung cấp thông tin, dữ liệu.

##### *- Bước 3. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản*

Sau khi được chấp thuận, cơ quan nhà nước được phép khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản theo quy định như sau:

- Khai thác trực tiếp tại Trung tâm Thông tin Lưu trữ và Bảo Tàng địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam: Tổ chức, cá nhân điền đầy đủ thông tin (theo mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường) để được cung cấp thông tin, dữ liệu;

- Khai thác trên môi trường điện tử: Cơ quan nhà nước thực hiện theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công quốc gia để truy cập, sử dụng thông tin, dữ liệu đúng với nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Sau khi cơ quan nhà nước hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có), Trung tâm Thông tin Lưu trữ và Bảo Tàng địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu đã được yêu cầu.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### *(1) Thành phần hồ sơ:*

\* Trường hợp khai thác và sử dụng thông qua hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến:

Bản chính phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

\* Trường hợp khai thác và sử dụng bằng hình thức hợp đồng:

Bản chính hoặc bản điện tử hợp đồng khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản phải được ký kết giữa cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu và tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin (Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính Phủ).

**(2) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan nhà nước.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước.

**h) Phí, lệ phí:**

(1) Miễn phí khi khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản đối với thông tin cơ bản được công bố công khai trên Cổng thông tin địa chất và khoáng sản quốc gia.

(2) Trừ trường hợp nêu trên, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản phải nộp phí, lệ phí theo quy định tại Điều 2, Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 11/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*(1) Trường hợp khai thác và sử dụng thông qua hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến:*

Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

*(2) Trường hợp khai thác và sử dụng bằng hình thức hợp đồng:*

Hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính Phủ).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ quy định về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định trình tự, thủ tục giao nộp, thu nhận, cung cấp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản.
- Thông tư số 11/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản.

## **5.2. Trường hợp khai thác thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản tại Sở Nông nghiệp và Môi trường**

**a) Trình tự thực hiện:**

*- Bước 1. Nộp hồ sơ*

Cơ quan nhà nước có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản gửi văn bản yêu cầu về Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh theo hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia hoặc thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

*- Bước 2. Tiếp nhận, xử lý và trả kết quả*

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản trả lời, nêu rõ nội dung đồng ý hoặc không đồng ý cung cấp thông tin, dữ liệu.

*- Bước 3. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản*

Sau khi được chấp thuận, cơ quan nhà nước được phép khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản theo quy định như sau:

- Khai thác trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổ chức, cá nhân điền đầy đủ thông tin (theo mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường) để được cung cấp thông tin, dữ liệu;

- Khai thác trên môi trường điện tử: Cơ quan nhà nước thực hiện theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công quốc gia để truy cập, sử dụng thông tin, dữ liệu đúng với nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Sau khi cơ quan nhà nước hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có), Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu đã được yêu cầu.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**(1) Thành phần hồ sơ:**

\* Trường hợp khai thác và sử dụng thông qua hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến:

Bản chính phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

\* Trường hợp khai thác và sử dụng bằng hình thức hợp đồng:

Bản chính hoặc bản điện tử hợp đồng khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản phải được ký kết giữa cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu và tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin (Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính Phủ).

**(2) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan nhà nước.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước.

**h) Phí, lệ phí:**

(1) Miễn phí khi khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản đối với thông tin cơ bản được công bố công khai trên Cổng thông tin địa chất và khoáng sản quốc gia.

(2) Trừ trường hợp nêu trên, tổ chức, các nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản phải nộp phí, lệ phí theo quy định tại Điều 2, Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 11/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

(1) Trường hợp khai thác và sử dụng thông qua hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến:

Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 87/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

(2) Trường hợp khai thác và sử dụng bằng hình thức hợp đồng:

Hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính Phủ).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ quy định về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định trình tự, thủ tục giao nộp, thu nhận, cung cấp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản.
- Thông tư số 11/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản.







Địa danh, ngày tháng năm 20

**PHIẾU BÀN GIAO DỮ LIỆU****Đơn vị nhận bàn giao tài liệu:**

Địa chỉ:

Đại diện bên nhận: Ông/Bà

Chức danh:

Số CCCD/HC:

Số công văn:

Số giấy giới thiệu:

Hình thức thanh toán:

STT	KHLT	Danh mục tài liệu	Mã tài liệu	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)
		<b>TỔNG CỘNG</b>						

**Tổng phí khai thác và sử dụng tài liệu:.... vnd**

(Bằng chữ:.....)

- Tài liệu nhận được sử dụng đúng mục đích, không được cung cấp cho bên thứ ba không liên quan đến nhiệm vụ. Nếu vi phạm, bên nhận tài liệu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật;
- Phiếu này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản.

**GIÁM ĐỐC**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BỘ PHẬN XỬ LÝ DỮ LIỆU**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI GIAO**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI NHẬN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Mẫu số 04 - Phụ lục**

*(ban hành kèm theo ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP  
ngày 14/6/2017 của Chính Phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**HỢP ĐỒNG**

**CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐỊA  
CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN**

Số: /HĐ

*Căn cứ Bộ luật dân sự;*

*Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,*

Hôm nay, ngày.... tháng .... năm ....., tại ....., chúng tôi gồm:

1. Bên cung cấp thông tin, dữ liệu (Bên A):

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại ..... Fax: ..... Email: .....

Số tài khoản :.....

2. Bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu (Bên B):

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại ..... Fax: ..... Email: .....

Số tài khoản :.....

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu như sau:

**Điều 1.** Nội dung hợp đồng:

*(Về việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu)*

.....

.....

**Điều 2.** Thời gian thực hiện:

..... ngày, kể từ ngày ..... tháng..... năm .....

**Điều 3.** Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:

- Hình thức khai thác, sử dụng:.....
- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập:.....
- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu:.....
- Nhận gửi qua đường bưu điện:.....

**Điều 4.** Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Tiền trả cho việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:..... đồng

(Bằng chữ:..... đồng)

Trong đó: Tiền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:..... đồng

Tiền dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu là:..... đồng

Số tiền đặt trước:..... đồng

Hình thức thanh toán (tiền mặt, chuyển khoản):.....

**Điều 5.** Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên:

.....  
.....

**Điều 6.** Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp:

.....  
.....

**Điều 7.** Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được làm thành ..... bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ ..... bản, bên B giữ ..... bản.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày.....

**BÊN B**

**BÊN A**

(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức, ghi họ tên đối với cá nhân)

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 02 - Phụ lục**

(ban hành kèm theo ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày  
14/6/2017 của Chính Phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....  
.....
- Số CMTND/Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân):.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại, fax, E-mail:.....
4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:  
.....  
.....
5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:  
.....  
.....
6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):  
.....  
.....
7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu:  
.....  
.....

**NGƯỜI YÊU CẦU CUNG  
CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU<sup>11</sup>**

<sup>11</sup> Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan phải ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký, ghi rõ họ tên.

**Mẫu số 04 - Phụ lục**

*(ban hành kèm theo ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính Phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**HỢP ĐỒNG**

**CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN**

Số: /HĐ

*Căn cứ Bộ luật dân sự;*

*Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,*

Hôm nay, ngày.... tháng .... năm ....., tại ....., chúng tôi gồm:

1. Bên cung cấp thông tin, dữ liệu (Bên A):

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại ..... Fax: ..... Email: .....

Số tài khoản :.....

2. Bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu (Bên B):

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại ..... Fax: ..... Email: .....

Số tài khoản :.....

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu như sau:

**Điều 1.** Nội dung hợp đồng:

*(Về việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu)*

.....  
.....

**Điều 2.** Thời gian thực hiện:

..... ngày, kể từ ngày ..... tháng..... năm .....

**Điều 3.** Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:

- Hình thức khai thác, sử dụng:.....
- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập:.....
- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu:.....
- Nhận gửi qua đường bưu điện:.....

**Điều 4.** Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Tiền trả cho việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:..... đồng

(Bằng chữ:..... đồng)

Trong đó: Tiền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:..... đồng

Tiền dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu là:..... đồng

Số tiền đặt trước:..... đồng

Hình thức thanh toán (tiền mặt, chuyển khoản):.....

**Điều 5.** Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên:

.....  
.....

**Điều 6.** Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp:

.....  
.....

**Điều 7.** Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được làm thành ..... bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ ..... bản, bên B giữ ..... bản.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày.....

**BÊN B**

**BÊN A**

*(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức, ghi họ tên đối với cá nhân)*

*(Ký tên, đóng dấu)*

## **6. Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

#### *- Bước 1: Lập hồ sơ*

Sở Nông nghiệp và Môi trường lập hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi lấy ý kiến các Bộ: Quốc phòng, Công an, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tài chính về kết quả khoanh định, khoanh định điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

#### *- Bước 2: Hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt*

+ Trong thời gian 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về kết quả khoanh định, khoanh định điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, cơ quan được lấy ý kiến phải trả lời bằng văn bản về nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của mình.

+ Trong thời hạn 12 ngày làm việc, sau khi nhận được ý kiến các cơ quan có liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình theo ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

#### *- Bước 3: Phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh*

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được gửi đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, phối hợp quản lý).

### **b) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

### **c) Thành phần hồ sơ:**

(1) Hồ sơ gửi lấy ý kiến các Bộ: Quốc phòng, Công an, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tài chính; bao gồm:

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan;

- Báo cáo kết quả khoan định, khoan định điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản gồm các nội dung chính như sau:

- + Căn cứ pháp lý và tài liệu làm cơ sở khoan định, khoan định điều chỉnh;
- + Nguyên tắc, phương pháp khoan định, khoan định điều chỉnh;
- + Kết quả khoan định, khoan định điều chỉnh;

+ Tổng hợp danh mục các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mỗi khu vực phải có bảng tọa độ các điểm khếp góc theo hệ tọa độ VN-2000, trừ khu vực thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước);

- + Phụ lục chi tiết kèm theo mô tả thông tin của từng khu vực đã khoan định.

- Bản đồ khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được lập trên nền bản đồ địa hình hệ tọa độ VN-2000, tỷ lệ từ 1:50.000 đến 1:25.000. Đối với các khu vực phức tạp về đối tượng cần bảo vệ, tỷ lệ bản đồ phải được thể hiện từ 1:10.000 đến 1:5.000 hoặc tỷ lệ lớn hơn.

(2) Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt bao gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Bảng tổng hợp việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan;

- Báo cáo kết quả khoan định, khoan định điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Bản đồ khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời gian hoàn thiện và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh: 24 ngày làm việc, nhận được hồ sơ lấy ý kiến về kết quả khoan định, khoan định điều chỉnh.

- Thời gian phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

## **7. Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Trên cơ sở chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng, quy hoạch khoáng sản, quy hoạch tỉnh, văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân đã tham gia điều tra địa chất về khoáng sản theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính Phủ (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ), Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

+ Tổng hợp, rà soát tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại Điều 143 của Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính Phủ (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ),

+ Lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan (trong trường hợp cần thiết);

+ Lập báo cáo kết quả khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- *Bước 2:* Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có), Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, rà soát, khoanh định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định ban hành quyết định phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo thẩm quyền.

- *Bước 3:* Công bố kết quả khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

### **b) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình của cơ quan thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, kèm theo danh mục các khu vực đề nghị khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trong đó nêu rõ các thông tin về địa danh hành chính, tọa độ, diện tích; loại khoáng sản; mức độ nghiên cứu của tài liệu địa chất;

- Bản đồ khu vực đề nghị khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập ở tỷ lệ 1:10.000, 1:5.000;

- Các văn bản, tài liệu xác định khu vực khoáng sản đáp ứng tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 143 của Nghị định này.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**e) Cơ quan/người giải quyết thủ tục hành chính:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

## **8. Thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

*- Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ*

Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong các trường hợp: giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; sau 06 tháng, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không tiến hành thăm dò, trừ trường hợp bất khả kháng; khu vực được phép thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất, khu vực biển đã được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về biển, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và quy định khác của pháp luật có liên quan thực hiện gửi hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản kèm theo các tài liệu chứng minh bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

*- Bước 2: Kiểm tra và thẩm định hồ sơ*

+ Trong thời hạn 16 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản gửi tới tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản thông báo về việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản và yêu cầu việc báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp cùng đề xuất, kiến nghị về việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản (nếu có);

+ Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản (trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường được ban hành, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan, thời gian cơ quan được lấy ý kiến xem xét trả lời không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ);

+ Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc nêu trên (lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản), Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ trình

đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng (quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ) kèm theo dự thảo Quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc văn bản trả lời về việc không thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

- *Bước 3. Ra quyết định và thông báo thu hồi:*

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản để nộp lại giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

**c) Thành phần hồ sơ:**

(1) Trường hợp giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật hoặc sau 06 tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không tiến hành thăm dò, trừ trường hợp bất khả kháng; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản (nếu có);

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

(2) Trường hợp khu vực được phép thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

(3) Trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất, khu vực biển đã được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về biển, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và quy định khác của pháp luật có liên quan; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

#### **d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản: 48 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian xem xét trả lời của cơ quan được lấy ý kiến);

- Thời hạn xem xét việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình thu hồi của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Thời hạn gửi quyết định thu hồi và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 23 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

**Mẫu số 23 - Phụ lục III**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ .....

Số:...../QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....**

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi Giấy phép thăm dò khoáng sản số .... /GP-... ngày ... tháng ... năm ... do ... (tên cơ quan cấp giấy phép)... cấp cho .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... để thăm dò ... (tên khoáng sản) ... tại xã/phường/thị trấn ..., tỉnh/thành phố ...

Lý do thu hồi:

**Điều 2.** Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm ..... và có trách nhiệm thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, .....(*tên tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- ....(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ..... (.....)

**CHỦ TỊCH**

(*Ký tên, đóng dấu*)

## **9. Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

*(1) Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II, nhóm III hoặc nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố*

*- Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ*

Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép trước đây) trong trường hợp: giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; khu vực được phép khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất, khu vực biển đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về biển, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và quy định khác của pháp luật có liên quan; tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính ở mức tối đa và có nhiều tình tiết tăng nặng hoặc tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản mà không khắc phục đầy đủ hậu quả theo quyết định xử phạt; thực hiện gửi hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu chứng minh bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

*- Bước 2: Kiểm tra và thẩm định hồ sơ*

+ Trong thời hạn 16 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản gửi tới tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản thông báo về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản và yêu cầu việc báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp cùng đề xuất, kiến nghị về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

+ Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy

phép khai thác khoáng sản (trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản xin ý kiến của cơ quan thẩm định hồ sơ được ban hành, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan; thời gian cơ quan được lấy ý kiến xem xét trả lời không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ);

+ Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc (lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản), Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ trình đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (quy định tại khoản 1 Điều 72 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ), kèm theo dự thảo Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản hoặc văn bản trả lời về việc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

*- Bước 3. Ra quyết định và thông báo thu hồi:*

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản để nộp lại giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp; thông báo thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ và các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện.

*(2) Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật hoặc giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, sau 06 tháng kể từ ngày dự án, công trình sử dụng khoáng sản ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc bị thu hồi giấy phép đầu tư hoặc hợp đồng dự án PPP bị chấm dứt theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư mà tổ chức được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV không nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị điều chỉnh giấy phép theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 91 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 cho cơ quan quản lý nhà*

*nước có thẩm quyền (quy định tại điểm a và d khoản 1 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ)*

- *Bước 1:* Trong thời hạn không quá 24 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được thông báo đối với các trường hợp nêu trên, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xác minh, làm rõ các nội dung không đúng thẩm quyền hoặc trái quy định của pháp luật; tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV theo quy định tại khoản 5 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

- *Bước 2:* Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

- *Bước 3:* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo công khai việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời có văn bản thông báo chấm dứt hiệu lực của giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV bị thu hồi và yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ khoáng sản và các nghĩa vụ khác có liên quan giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV chấm dứt hiệu lực.

*(3) Trường hợp khu vực được phép khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan (quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ)*

- *Bước 1:* Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản hoặc thu hồi toàn bộ diện tích đất hoạt động khoáng sản đối với trường hợp nêu trên, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV theo quy định tại khoản 5 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

- *Bước 2:* Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

- *Bước 3:* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo công khai việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời có văn bản thông báo chấm dứt hiệu lực của giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV bị thu hồi và yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ khoáng sản và các nghĩa vụ khác có liên quan giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV chấm dứt hiệu lực.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

**c) Thành phần hồ sơ:**

*(1) Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản (nhóm II, nhóm III hoặc nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố) cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; thành phần hồ sơ gồm:*

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

*(2) Trường hợp khu vực khai thác khoáng sản (nhóm II, nhóm III hoặc nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố) bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:*

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

*(3) Trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản (nhóm II, nhóm III hoặc nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố) để sử dụng vào mục đích khác theo quy định pháp luật về đất đai; thành phần hồ sơ gồm:*

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

*(4) Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản (nhóm II, nhóm III hoặc nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố) đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính ở mức tối đa hoặc tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản mà không khắc phục đầy đủ hậu quả theo quyết định xử phạt, thành phần hồ sơ gồm:*

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

*(5) Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; thành phần hồ sơ gồm:*

- Tờ trình hoặc Phiếu trình về lý do, kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan và đề xuất việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Biên bản, tài liệu xác minh, làm rõ các nội dung không đúng thẩm quyền hoặc trái quy định của pháp luật;

*(6) Trường hợp khu vực được phép khai thác nhóm IV bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:*

- Tờ trình hoặc Phiếu trình về lý do, kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan và đề xuất việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV;

- Bản sao quyết định phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

*(7) Trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan; thành phần hồ sơ gồm:*

- Tờ trình hoặc Phiếu trình về lý do, kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan và đề xuất việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV;

- Bản sao quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

*(8) Trường hợp đối với giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, sau 06 tháng kể từ ngày dự án, công trình sử dụng khoáng sản ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư*

hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc bị thu hồi giấy phép đầu tư hoặc hợp đồng dự án PPP bị chấm dứt theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư mà tổ chức được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV không nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị điều chỉnh giấy phép theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 91 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; thành phần hồ sơ gồm:

Tờ trình hoặc Phiếu trình về lý do, kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan và đề xuất việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

**d) Thời hạn giải quyết:**

(1) Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II, nhóm III hoặc nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố; thời hạn giải quyết là:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản: 48 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian xem xét trả lời của cơ quan được lấy ý kiến);

- Thời hạn xem xét việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình thu hồi của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Thời hạn gửi quyết định thu hồi và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

(2) Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật hoặc giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, sau 06 tháng kể từ ngày dự án, công trình sử dụng khoáng sản ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc bị thu hồi giấy phép đầu tư hoặc hợp đồng dự án PPP bị chấm dứt theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư mà tổ chức được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV không nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị điều chỉnh giấy phép theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 91 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (quy định tại điểm a và d khoản 1 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ); thời hạn giải quyết là:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ và xác minh, làm rõ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định: 24 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được thông báo đối với các trường hợp nêu trên;

- Thời hạn ban hành quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV của cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Thời hạn thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

*(3) Trường hợp khu vực được phép khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan (quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ); thời hạn giải quyết là:*

- Thời hạn tổng hợp và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định: 16 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản hoặc thu hồi toàn bộ diện tích đất hoạt động khoáng sản đối với trường hợp nêu trên;

- Thời hạn ban hành quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV của cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Thời hạn thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 34 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

**Mẫu số 34 - Phụ lục II**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

Số:...../QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm..... do .....(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... để khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....

Lý do thu hồi:.....

**Điều 2.** Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm ..... và có trách nhiệm:

1. Thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật<sup>12</sup>.

<sup>12</sup> Không áp dụng đối với trường hợp chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản.

2. Duy trì, bảo vệ và không được tháo dỡ, phá huỷ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, phải di chuyển tài sản của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản, trừ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường; sau thời hạn này, tài sản còn lại được xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, .....(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- ....(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ..... (.....)

#### **CHỦ TỊCH**

(*Ký tên, đóng dấu*)

## **10. Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

#### *- Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ*

Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép trong các trường hợp: giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; khu vực tận thu khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định pháp luật về đất đai hoặc tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính ở mức tối đa hoặc tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản mà không khắc phục đầy đủ hậu quả theo quyết định xử phạt thực hiện gửi hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản kèm theo các tài liệu chứng minh bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

#### *- Bước 2: Kiểm tra và thẩm định hồ sơ*

+ Trong thời hạn 12 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản gửi tới tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thông báo về việc thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và yêu cầu việc báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác tận thu khoáng sản theo giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp cùng đề xuất, kiến nghị về việc thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (nếu có);

+ Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản xin ý kiến của cơ quan thẩm định hồ sơ được ban hành, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan (thời gian cơ quan được lấy ý kiến xem xét trả lời không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ);

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành các công việc lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (theo quy định tại khoản 1 Điều 87 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ), kèm theo dự thảo quyết định thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hoặc văn bản trả lời về việc không thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

*- Bước 3: Ra quyết định và thông báo thu hồi:*

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu khoáng sản để nộp lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp; thông báo thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ và các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

**c) Thành phần hồ sơ:**

(1) Trường hợp giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác tận thu khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

(2) Trường hợp khu vực tận thu khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác tận thu khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

(3) Trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định pháp luật về đất đai; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác tận thu khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

(4) Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính ở mức tối đa hoặc tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành

chính, pháp luật về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản mà không khắc phục đầy đủ hậu quả theo quyết định xử phạt, thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác tận thu khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

#### **d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra hồ sơ và xác minh, làm rõ các nội dung liên quan: 28 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ;

- Thời hạn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quyết định việc thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: 07 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ và xác minh, làm rõ các nội dung liên quan;

- Thời hạn quyết định việc thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Thời hạn gửi quyết định thu hồi và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

**d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân.

#### **e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 34 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

**Mẫu số 34 - Phụ lục II**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

Số:...../QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm..... do .....(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... để khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....

Lý do thu hồi:.....

**Điều 2.** Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm ..... và có trách nhiệm:1. Thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật<sup>13</sup>.<sup>13</sup> Không áp dụng đối với trường hợp chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản.

2. Duy trì, bảo vệ và không được tháo dỡ, phá huỷ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, phải di chuyển tài sản của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản, trừ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường; sau thời hạn này, tài sản còn lại được xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, .....(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- ....(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ..... (.....)

#### **CHỦ TỊCH**

(*Ký tên, đóng dấu*)

## **11. Lập, phê duyệt, công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện lập, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- *Bước 2:* Chậm nhất 12 ngày làm việc, kể từ ngày được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khoáng sản đối với khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**b) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**c) Thành phần hồ sơ:** Không quy định.

### **d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn lập, phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Không quy định;

- Thời hạn công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Chậm nhất 12 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản hoặc Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

**12. Xác định, phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

**a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

- *Bước 2:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (phê duyệt hoặc phê duyệt tạm tính hoặc phê duyệt lại hoặc phê duyệt điều chỉnh) tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

**b) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**c) Thành phần hồ sơ:** Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn xác định, phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản có hiệu lực.

- Thời hạn xác định, phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: không quá 24 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quyết định các nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 136 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

*(1) Trường hợp xác định, phê duyệt hoặc phê duyệt tạm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:*

Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 02 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

*(2) Trường hợp xác định, phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sau khi quyết toán lần đầu theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản:*

Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 05 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

(3) Trường hợp xác định, phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

**Mẫu số 02 - Phụ lục II**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
*...(Tên cấp tỉnh hoặc cấp xã)...*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày... .. tháng... .. năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng  
sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã).....,  
.....(tên cấp tỉnh).....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**.....(TÊN CẤP TỈNH HOẶC CẤP XÃ).....**

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .....tháng .....năm ..... của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và  
khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số ...../2026/NĐ-  
CP ngày ..... tháng..... năm..... của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm .....  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định  
chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu  
văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản,  
thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt,  
quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền  
khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số  
...../2026/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông  
nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... .. tháng ... .. năm ..... của  
Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên  
địa bàn tỉnh (thành phố).....;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu  
khoáng sản) số ...../GP-..... ngày ..... tháng..... năm ..... của .....(Tên cơ  
quan cấp giấy phép).....<sup>14</sup>;*

<sup>14</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số ...../GXN -..... ngày ..... tháng..... năm ..... của .....(Tên có quan cấp giấy xác nhận).....<sup>15</sup>;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-..... ngày ..... tháng..... năm ..... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản<sup>16</sup>;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trưởng phòng.).

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: .....
2. Các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt:
  - a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q): .....
  - b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G): .....
  - c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R):.....
3. Tổng số tiền phải nộp: .....
4. Tổng số lần nộp:.....
5. Số tiền nộp hàng năm ( $T_{hn}$ )<sup>17</sup>:.....
6. Thời gian nộp bắt đầu từ năm ..... đến năm .....  
Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** .....(Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND ....; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... (Trưởng phòng.....), Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Thuế tỉnh (thành phố).....(để phối hợp);
- ...(Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền)... (để thực hiện);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo)<sup>18</sup>;
- Cục ĐCKS (để biết);
- Lưu: HS, VT.

#### **CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)

<sup>15</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

<sup>16</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

<sup>17</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp nộp nhiều lần

<sup>18</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã

**Mẫu số 04 - Phụ lục II**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
....(Tên cấp tỉnh hoặc cấp xã)...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày... .. tháng... .. năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**

.....(TÊN CẤP TỈNH HOẶC CẤP XÃ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .....tháng .....năm ..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số ...../2026/NĐ-CP ngày ..... tháng..... năm..... của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số ...../2026/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... .. tháng ... .. năm ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ...../GP-..... ngày ..... tháng..... năm ..... của .....(Tên cơ quan cấp giấy phép).....<sup>19</sup>;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số ...../GXN -..... ngày ..... tháng..... năm ..... của .....(Tên cơ quan cấp giấy xác nhận).....<sup>20</sup>;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-..... ngày ..... tháng..... năm ..... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản<sup>21</sup>;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trưởng phòng .....

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: .....

2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đến thời điểm điều chỉnh<sup>22</sup>:

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...	.....	Năm 20...

3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các năm còn lại<sup>23</sup>:

a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q): .....

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G): .....

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R): .....

d) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp<sup>24</sup>:.....

đ) Tổng số lần còn nộp<sup>25</sup>:.....

e) Số tiền nộp hàng năm ( $T_{hn}$ )<sup>26</sup>:.....

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...	.....	Năm 20...

<sup>19</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

<sup>20</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

<sup>21</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

<sup>22</sup> Lấy theo số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán hàng năm

<sup>23</sup> Tính tại thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

<sup>24</sup> Tính từ thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

<sup>25</sup> Tính từ thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

<sup>26</sup> Chỉ áp dụng trong trường hợp số lần còn nộp lớn hơn 1 lần

g) Thời gian nộp bắt đầu từ năm..... đến năm.....

Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** .....(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND ....; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... (Trưởng phòng.....), Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Thuế tỉnh (thành phố).....(để phối hợp);
- ...(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)... (để thực hiện);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo)<sup>27</sup>;
- Cục ĐCKS (để biết);
- Lưu: HS, VT.

**CHỦ TỊCH**

(*Ký tên, đóng dấu*)

<sup>27</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã

**Mẫu số 05 - Phụ lục II**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**....(Tên cấp tỉnh)...**

Số:...../QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20..

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng  
sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp  
tỉnh).....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**.....(TÊN CẤP TỈNH HOẶC CẤP XÃ).....**

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .....tháng .....năm ..... của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và  
khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số ...../2026/NĐ-  
CP ngày ..... tháng..... năm..... của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm .....  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định  
chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu  
văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản,  
thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt,  
quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đầu giá quyền  
khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số  
...../2026/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông  
nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... .. tháng ... .. năm ..... của  
Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên  
địa bàn tỉnh (thành phố).....;*

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ...../GP-..... ngày ..... tháng..... năm ..... của .....(Tên cơ quan cấp Giấy phép).....<sup>28</sup>;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số ...../GXN -..... ngày ..... tháng..... năm ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....<sup>29</sup>;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-..... ngày ..... tháng..... năm ..... của .....(Tên cơ quan cấp Giấy phép)..... về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản<sup>30</sup>;

Xét hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của .....(Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền).....nộp ngày .... tháng ..... năm .....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: .....

2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đến thời điểm phê duyệt lại<sup>31</sup>:

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...	.....	Năm 2025

3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt lại:

a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn lại ( $Q_{cl}$ ): .....

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ( $G$ ): .....

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ( $R$ ): .....

d) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp<sup>32</sup>:.....

đ) Tổng số lần còn phải nộp<sup>33</sup>:.....

e) Số tiền nộp hàng năm ( $T_{hn}$ )<sup>34</sup>:

<sup>28</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

<sup>29</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

<sup>30</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

<sup>31</sup> Lấy theo số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán hàng năm tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

<sup>32</sup> Tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

<sup>33</sup> Tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

<sup>34</sup> Chỉ áp dụng trong trường hợp số lần còn nộp lớn hơn 1 lần và tính từ năm 2025

Năm 2025	Năm 2026	.....	.....	.....

g) Thời gian nộp bắt đầu từ năm 2025 đến năm.....

Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** .....(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh (thành phố)....; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Thuế tỉnh (thành phố) .....(để phối hợp);
- ...(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)... (để thực hiện);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo)<sup>35</sup>;
- Cục ĐCKS Việt Nam (để biết);
- Lưu: HS, VT.

**CHỦ TỊCH**

(*Ký tên, đóng dấu*)

**13. Xác định, phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**

**a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao) thực hiện xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

- *Bước 2:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt (phê duyệt hoặc phê duyệt tạm tính hoặc phê duyệt lại hoặc phê duyệt điều chỉnh) tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

**b) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**c) Thành phần hồ sơ:** Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn xác định, phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày giấy phép khai thác khoáng sản,

<sup>35</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã

giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản có hiệu lực.

- Thời hạn xác định, phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: không quá 24 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quyết định các nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 136 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.

**d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

*(1) Trường hợp xác định, phê duyệt hoặc phê duyệt tạm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:*

Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 02 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

*(2) Trường hợp xác định, phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sau khi quyết toán lần đầu theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản:*

Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 05 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

*(3) Trường hợp xác định, phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:*

Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

**Mẫu số 02 - Phụ lục II**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
*...(Tên cấp tỉnh hoặc cấp xã)...*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày... .. tháng... .. năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng  
sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã).....,  
.....(tên cấp tỉnh).....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**.....(TÊN CẤP TỈNH HOẶC CẤP XÃ).....**

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .....tháng .....năm ..... của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và  
khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số ...../2026/NĐ-  
CP ngày ..... tháng..... năm..... của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm .....  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định  
chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu  
văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản,  
thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt,  
quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền  
khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số  
...../2026/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông  
nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... .. tháng ... .. năm ..... của  
Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên  
địa bàn tỉnh (thành phố).....;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu  
khoáng sản) số ...../GP-..... ngày ..... tháng..... năm ..... của .....(Tên cơ  
quan cấp giấy phép).....<sup>36</sup>;*

<sup>36</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số ...../GXN -..... ngày ..... tháng..... năm ..... của .....(Tên có quan cấp giấy xác nhận).....<sup>37</sup>;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-..... ngày ..... tháng..... năm ..... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản<sup>38</sup>;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trưởng phòng.).

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: .....
2. Các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt:
  - a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q): .....
  - b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G): .....
  - c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R):.....
3. Tổng số tiền phải nộp: .....
4. Tổng số lần nộp:.....
5. Số tiền nộp hàng năm ( $T_{hn}$ )<sup>39</sup>:.....
6. Thời gian nộp bắt đầu từ năm ..... đến năm .....  
Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** .....(Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND ....; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... (Trưởng phòng.....), Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Thuế tỉnh (thành phố).....(để phối hợp);
- ...(Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền)... (để thực hiện);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo)<sup>40</sup>;
- Cục ĐCKS (để biết);
- Lưu: HS, VT.

#### CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

<sup>37</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

<sup>38</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

<sup>39</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp nộp nhiều lần

<sup>40</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã

**Mẫu số 04 - Phụ lục II**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
*...(Tên cấp tỉnh hoặc cấp xã)...*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày... .. tháng... .. năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**

**.....(TÊN CẤP TỈNH HOẶC CẤP XÃ).....**

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .....tháng .....năm ..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số ...../2026/NĐ-CP ngày ..... tháng..... năm..... của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số ...../2026/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... .. tháng ... .. năm ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;*

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ...../GP-..... ngày ..... tháng..... năm ..... của .....(Tên cơ quan cấp giấy phép).....<sup>41</sup>;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số ...../GXN-..... ngày ..... tháng..... năm ..... của .....(Tên cơ quan cấp giấy xác nhận).....<sup>42</sup>;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-..... ngày ..... tháng..... năm ..... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản<sup>43</sup>;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trưởng phòng .....

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: .....

2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đến thời điểm điều chỉnh<sup>44</sup>:

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...	.....	Năm 20...

3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các năm còn lại<sup>45</sup>:

a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q): .....

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G): .....

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R): .....

d) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp<sup>46</sup>:.....

đ) Tổng số lần còn nộp<sup>47</sup>:.....

e) Số tiền nộp hàng năm ( $T_{hn}$ )<sup>48</sup>:.....

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...	.....	Năm 20...

<sup>41</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

<sup>42</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

<sup>43</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

<sup>44</sup> Lấy theo số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán hàng năm

<sup>45</sup> Tính tại thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

<sup>46</sup> Tính từ thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

<sup>47</sup> Tính từ thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

<sup>48</sup> Chỉ áp dụng trong trường hợp số lần còn nộp lớn hơn 1 lần

g) Thời gian nộp bắt đầu từ năm..... đến năm.....

Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** .....(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND ....; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... (Trưởng phòng.....), Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Thuế tỉnh (thành phố).....(để phối hợp);
- ...(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)... (để thực hiện);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo)<sup>49</sup>;
- Cục ĐCKS (để biết);
- Lưu: HS, VT.

**CHỦ TỊCH**

(*Ký tên, đóng dấu*)

<sup>49</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã

**Mẫu số 05 - Phụ lục II**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**....(Tên cấp tỉnh)...**

Số:...../QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20..

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng  
sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp  
tỉnh).....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**.....(TÊN CẤP TỈNH HOẶC CẤP XÃ).....**

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .....tháng .....năm ..... của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và  
khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số ...../2026/NĐ-  
CP ngày ..... tháng..... năm..... của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm .....  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định  
chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu  
văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản,  
thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt,  
quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đầu giá quyền  
khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số  
...../2026/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông  
nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... .. tháng ... .. năm ..... của  
Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên  
địa bàn tỉnh (thành phố).....;*

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ...../GP-..... ngày ..... tháng..... năm ..... của .....(Tên cơ quan cấp Giấy phép).....<sup>50</sup>;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số ...../GXN -..... ngày ..... tháng..... năm ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....<sup>51</sup>;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-..... ngày ..... tháng..... năm ..... của .....(Tên cơ quan cấp Giấy phép)..... về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản<sup>52</sup>;

Xét hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của .....(Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền).....nộp ngày .... tháng ..... năm .....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: .....

2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đến thời điểm phê duyệt lại<sup>53</sup>:

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...	.....	Năm 2025

3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt lại:

a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn lại ( $Q_{cl}$ ): .....

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ( $G$ ): .....

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ( $R$ ): .....

d) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp<sup>54</sup>:.....

đ) Tổng số lần còn phải nộp<sup>55</sup>:.....

e) Số tiền nộp hàng năm ( $T_{hn}$ )<sup>56</sup>:

<sup>50</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

<sup>51</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

<sup>52</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

<sup>53</sup> Lấy theo số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán hàng năm tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

<sup>54</sup> Tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

<sup>55</sup> Tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

<sup>56</sup> Chỉ áp dụng trong trường hợp số lần còn nộp lớn hơn 1 lần và tính từ năm 2025

Năm 2025	Năm 2026	.....	.....	.....

g) Thời gian nộp bắt đầu từ năm 2025 đến năm.....

Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** .....(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh (thành phố)....; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Thuế tỉnh (thành phố) .....(để phối hợp);
- ...(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)... (để thực hiện);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo)<sup>57</sup>;
- Cục ĐCKS Việt Nam (để biết);
- Lưu: HS, VT.

**CHỦ TỊCH**

(*Ký tên, đóng dấu*)

<sup>57</sup> Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Trên cơ sở chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng, quy hoạch khoáng sản, quy hoạch tỉnh, văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân đã tham gia điều tra địa chất về khoáng sản theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính Phủ (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ), Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện:

+ Tổng hợp, rà soát tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại Điều 143 của Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính Phủ (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ),

+ Lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan (trong trường hợp cần thiết);

+ Lập báo cáo kết quả khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- *Bước 2:* Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có), Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tổng hợp, rà soát, khoanh định và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định ban hành quyết định phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo thẩm quyền.

- *Bước 3:* Công bố kết quả khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

#### **b) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình của cơ quan thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, kèm theo danh mục các khu vực đề nghị khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trong đó nêu rõ các thông tin về địa danh hành chính, tọa độ, diện tích; loại khoáng sản; mức độ nghiên cứu của tài liệu địa chất;

- Bản đồ khu vực đề nghị khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập ở tỷ lệ 1:10.000, 1:5.000;

- Các văn bản, tài liệu xác định khu vực khoáng sản đáp ứng tiêu chí khoáng định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 143 của Nghị định này.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

## **2. Khoanh định, điều chỉnh, phê duyệt, công bố khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia**

### **a) Trình tự thực hiện:**

(1) Trình tự, thủ tục khoanh định, trình phê duyệt, công bố khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia:

- *Bước 1:* Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tổ chức điều tra, đánh giá và lập hồ sơ khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

- *Bước 2:* Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan để hoàn thiện hồ sơ;

+ Thành lập Hội đồng thẩm định để xem xét hồ sơ khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Thành phần Hội đồng bao gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, chuyên gia, nhà khoa học và các tổ chức liên quan, để xem xét hồ sơ khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;

+ Hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

- *Bước 3:* Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Sau khi phê duyệt, danh mục khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được công bố theo quy định.

(2) Trình tự, thủ tục điều chỉnh, trình phê duyệt điều chỉnh, công bố khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia:

- *Bước 1:* Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tổ chức đánh giá, lập hồ sơ điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo đề nghị của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- *Bước 2:* Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Thành lập Hội đồng thẩm định để xem xét hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Thành phần Hội đồng bao gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, chuyên gia, nhà khoa học và các tổ chức liên quan, để xem xét hồ sơ khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;

+ Hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

- *Bước 3:* Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Sau khi phê duyệt điều chỉnh, danh mục khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được công bố theo quy định.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.

**c) Thành phần hồ sơ:**

*(1) Hồ sơ khoan định, trình phê duyệt, công bố khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia:*

- Tờ trình đề nghị phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;
- Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá hoặc thăm dò khoáng sản;
- Bản đồ khu vực khoáng sản (tỷ lệ tối thiểu 1:25.000) thể hiện rõ ranh giới khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia và các thông tin liên quan;
- Dự thảo kế hoạch bảo vệ và quản lý khu vực dự trữ khoáng sản;
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

*(2) Hồ sơ điều chỉnh, trình phê duyệt điều chỉnh, công bố khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia:*

- Tờ trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, trong đó nêu rõ căn cứ pháp lý và thực tiễn của việc điều chỉnh, báo cáo đánh giá tác động của việc điều chỉnh đến các mục tiêu dự trữ khoáng sản quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường;

- Văn bản đề xuất hoặc ý kiến góp ý của các Bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khoáng sản dự trữ;

- Bản đồ hiện trạng khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia trước và sau khi điều chỉnh, được thể hiện trên nền địa hình quốc gia tỷ lệ phù hợp;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

### **3. Thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

##### *- Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ*

Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép trước đây), thực hiện gửi hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản kèm theo các tài liệu chứng minh bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia hoặc Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

##### *- Bước 2: Kiểm tra và thẩm định hồ sơ*

+ Trong thời hạn 16 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có văn bản gửi tới tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản thông báo về việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản và yêu cầu việc báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp cùng đề xuất, kiến nghị về việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản (nếu có);

+ Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản (trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam được ban hành, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan, thời gian cơ quan được lấy ý kiến xem xét trả lời không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ);

+ Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành các công việc nêu trên (lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản), Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ trình đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản (quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ) kèm theo dự thảo Quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc văn bản trả

lời về việc không thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản từ Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm gửi quyết định và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản để nộp lại giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có hoạt động thăm dò khoáng sản có trách nhiệm giám sát việc thực hiện.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.

**c) Thành phần hồ sơ:**

(1) Trường hợp giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật hoặc sau 06 tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không tiến hành thăm dò, trừ trường hợp bất khả kháng; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản (nếu có);

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

(2) Trường hợp khu vực được phép thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

(3) Trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất, khu vực biển đã được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về biển, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và quy định khác của pháp luật có liên quan; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

#### **d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản: 48 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian xem xét trả lời của cơ quan được lấy ý kiến);

- Thời hạn xem xét việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình thu hồi của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

- Thời hạn gửi quyết định thu hồi và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

**d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 22 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

**Mẫu số 22 - Phụ lục III**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ..... ngày ... tháng ... năm ... của ..... (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho .....(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... (nếu có);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi Giấy phép thăm dò khoáng sản số .... /GP-..... ngày ... tháng ... năm ... do ... (tên cơ quan cấp giấy phép) ... cấp cho .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... để thăm dò ... (tên khoáng sản) ... tại xã/phường/thị trấn ..., tỉnh/thành phố ...

Lý do thu hồi:

**Điều 2.** Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm ..... và có trách nhiệm thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, .....(*tên tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- ....(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố.....
- .....
- Lưu VT, ..... (.....)

**BỘ TRƯỞNG**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

#### **4. Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

###### *- Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ*

Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp trước đây) đối với các trường hợp: giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; khu vực được phép khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất, khu vực biển đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về biển, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và quy định khác của pháp luật có liên quan; tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính ở mức tối đa và có nhiều tình tiết tăng nặng hoặc tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản mà không khắc phục đầy đủ hậu quả theo quyết định xử phạt; thực hiện gửi hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu chứng minh bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia hoặc Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

###### *- Bước 2: Kiểm tra và thẩm định hồ sơ*

+ Trong thời hạn 16 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có văn bản gửi tới tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản thông báo về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản và yêu cầu việc báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp cùng đề xuất, kiến nghị về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

+ Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản (trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ

ngày văn bản xin ý kiến của cơ quan thẩm định hồ sơ được ban hành, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan; thời gian cơ quan được lấy ý kiến xem xét trả lời không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ);

+ Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành các công việc (lấy ý kiến bằng văn bản và phối hợp với các cơ quan có liên quan để xác minh, làm rõ các nội dung đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, tiến hành kiểm tra thực địa; tổ chức làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản), Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ trình đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (quy định tại khoản 1 Điều 72 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ), kèm theo dự thảo Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản hoặc văn bản trả lời về việc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

*- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản từ Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm gửi quyết định và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản để nộp lại giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp; thông báo thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ và các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có hoạt động khai thác khoáng sản có trách nhiệm giám sát việc thực hiện.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.

**c) Thành phần hồ sơ:**

(1) Trường hợp giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

(2) Trường hợp khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

(3) Trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản để sử dụng vào mục đích khác theo quy định pháp luật về đất đai; thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

(4) Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính ở mức tối đa hoặc tước quyền sử dụng

giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản mà không khắc phục đầy đủ hậu quả theo quyết định xử phạt, thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản;

- Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Báo cáo kết quả thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trong khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp;

- Báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản kèm theo các tài liệu xác minh, làm rõ về đề xuất thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

#### **d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản: 48 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian xem xét trả lời của cơ quan được lấy ý kiến);

- Thời hạn xem xét việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình thu hồi của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

- Thời hạn gửi quyết định thu hồi và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản, cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân.

#### **e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

(Mẫu số 33 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

**Mẫu số 33 - Phụ lục II**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... do .....(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... để khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....

Lý do thu hồi:.....

**Điều 2.** Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm ..... và có trách nhiệm:

1. Thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật<sup>58</sup>.

<sup>58</sup> Không áp dụng đối với trường hợp chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản.

2. Duy trì, bảo vệ và không được tháo dỡ, phá huỷ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, phải di chuyển tài sản của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản, trừ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường; sau thời hạn này, tài sản còn lại được xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam .....(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- ....(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố).....
- .....
- Lưu VT, ..... (.....)

**BỘ TRƯỞNG**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

## **5. Lập, phê duyệt, công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện lập, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- *Bước 2:* Chậm nhất 12 ngày làm việc, kể từ ngày được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt, kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khoáng sản.

**b) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**c) Thành phần hồ sơ:** Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn lập, phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Không quy định;

- Thời hạn công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Chậm nhất 12 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản hoặc Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

**6. Xác định, phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản tại khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố hoặc khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố**

**a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

- *Bước 2:* Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt (phê duyệt hoặc phê duyệt tạm tính hoặc phê duyệt lại hoặc phê duyệt điều chỉnh) tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

**b) Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**c) Thành phần hồ sơ:** Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn xác định, phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản có hiệu lực.

- Thời hạn xác định, phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: không quá 24 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quyết định các nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 136 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

**e) Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

*(1) Trường hợp xác định, phê duyệt hoặc phê duyệt tạm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:*

Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Mẫu số 01 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

*(2) Trường hợp xác định, phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:*

Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Mẫu số 03 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

**Mẫu số 01 - Phụ lục II**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-BNNMT

....., ngày... .. tháng... .. năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng  
sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã).....,  
.....(tên cấp tỉnh).....**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .....tháng .....năm ..... của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và  
khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số ...../2026/NĐ-  
CP ngày ..... tháng..... năm..... của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày ... .. tháng ... .. năm .....  
của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Nông nghiệp và  
Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm .....  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định  
chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu  
văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản,  
thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt,  
quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền  
khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số  
...../2026/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông  
nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... .. tháng ... .. năm ..... của  
Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên  
địa bàn tỉnh (thành phố).....;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../GP-BNNMT ngày .....  
tháng..... năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(*tên cấp xã*)....., .....(*tên cấp tỉnh*)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: .....
2. Các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt:
  - a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q): .....
  - b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G): .....
  - c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R):.....
3. Tổng số tiền phải nộp: .....
4. Tổng số lần nộp:.....
5. Số tiền nộp hàng năm ( $T_{hn}$ )<sup>59</sup>:.....
6. Thời gian nộp bắt đầu từ năm ..... đến năm .....  
Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** .....(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (thành phố)...(để phối hợp);
- Các Vụ: Kế hoạch - Tài chính; Pháp chế;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Thuế tỉnh (thành phố).....(để phối hợp);
- ...(*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)... (để thực hiện);
- Lưu: HS, VT, ĐCKS.

**BỘ TRƯỞNG**

(*Ký tên, đóng dấu*)

<sup>59</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp nộp nhiều lần

**Mẫu số 03 - Phụ lục II**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-BNNMT

....., ngày tháng năm 20..

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .....tháng .....năm ..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số ...../2026/NĐ-CP ngày ..... tháng..... năm..... của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày ... .. tháng ... .. năm ..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số ...../2026/TT-BNNMT ngày .....tháng .....năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... .. tháng ... .. năm ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../GP-BNNMT ngày ..... tháng..... năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với .....(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: .....

2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đến thời điểm điều chỉnh<sup>60</sup>:

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...	.....	Năm 20...

3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các năm còn lại<sup>61</sup>:

a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q): .....

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G): .....

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R): .....

d) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp<sup>62</sup>: .....

đ) Tổng số lần còn nộp<sup>63</sup>: .....

e) Số tiền nộp hàng năm ( $T_{hm}$ )<sup>64</sup>: .....

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...	.....	Năm 20...

g) Thời gian nộp bắt đầu từ năm..... đến năm .....

Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** .....(Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (thành phố)...(để phối hợp);
- Các Vụ: Kế hoạch - Tài chính; Pháp chế;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Thuế tỉnh (thành phố).....(để phối hợp);
- ...(Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền)... (để thực hiện);
- Lưu: HS, VT, ĐCKS.

**BỘ TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)

<sup>60</sup> Lấy theo số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán hàng năm

<sup>61</sup> Tính tại thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

<sup>62</sup> Tính từ thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

<sup>63</sup> Tính từ thời điểm chốt sản lượng quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

<sup>64</sup> Chỉ áp dụng trong trường hợp số lần còn nộp lớn hơn 1 lần

**Phụ lục II**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

**A. Sửa đổi, bổ sung Bảng 2 Phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

**“2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG</b>				
01	1.014233	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	(1) Điều 31 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục I Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.  (3) Phụ lục II Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
02	1.014232	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	(1) Các Điều 26, 36, 42 và 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Các Phụ lục I, II và III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			<p>quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;</p> <p>(3) Phụ lục VI Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>		
03	1.014234	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>(1) Điều 38, Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
04	1.014235	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>(1) Điều 37, Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
05	1.014237	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>(1) Điều 39, Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
06	1.014238	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	(1) Điều 41, Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
07	1.014245	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản <sup>65</sup>	(1) Các Điều 26, 40, 44, và 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Các Phụ lục I, III và V Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
08	1.014246	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	(1) Điều 68 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

<sup>65</sup> Tên TTHC “Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản” được công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			(3) Phụ lục VI Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.		
09	1.014236	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Các Điều 61, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;  (3) Phụ lục I Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
10	1.014239	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Các Điều 61, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ (trong trường hợp cần thiết), Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
11	1.014240	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Các Điều 62, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ (trong trường hợp cần thiết), Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			(2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.		
12	1.014241	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Các Điều 64, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (4) Phụ lục I Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ (trong trường hợp cần thiết), Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
13	1.014242	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Các Điều 65, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ (trong trường hợp cần thiết), Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
14	1.014243	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản <sup>66</sup>	(1) Các Điều 66, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
15	1.014244	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Các Điều 61, 67 và 154 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.  (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;  (3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;  (4) Phụ lục I Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

<sup>66</sup> Tên TTHC “*Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản*” được công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
16	1.014251	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản <sup>67</sup>	(1) Điều 49, Điều 50 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia
17	1.014247	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	(1) Điều 103 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.  (2) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
18	1.014248	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	(1) Điều 104 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
19	1.014249	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	(1) Điều 105 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

<sup>67</sup> Tên TTHC “Thăm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản” được công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			(2) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.		
20	1.014250	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	(1) Điều 106 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
21	1.014255	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân tham gia điều tra địa chất về khoáng sản	(1) Điều 9 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
22	1.014252	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	(1) Điều 34 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
23	1.014253	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản <sup>68</sup>	(1) Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

<sup>68</sup> Tên TTHC “Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I” và “Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I” được công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			(2) Phụ lục IIa Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;  (3) Các Phụ lục I, III và V Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.		
24	1.014294	Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia <sup>69</sup>	(1) Điều 31 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
26	1.014344	Giao nộp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản <sup>70</sup>	(1) Điều 5, Điều 6 và Phụ lục I Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất
27	1.014345	Khai thác thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản <sup>71</sup>	(1) Điều 10, Điều 11 và Phụ lục IV Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Trung tâm Thông tin,

<sup>69</sup> Tên TTHC “Chấp thuận đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản dự trữ khi thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia” được công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

<sup>70</sup> Tên TTHC “Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản” được công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

<sup>71</sup> Tên TTHC “Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản” được công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
					Lưu trữ và Bảo tàng địa chất
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>				
01	1.014260	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	(1) Điều 31 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục I Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026. (3) Phụ lục II Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
02	1.014261	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	(1) Các Điều 26, 36, 42 và 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Các Phụ lục I, II và III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (3) Phụ lục VI Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên TTHC</b>	<b>Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện</b>
03	1.014262	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	(1) Điều 38, Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
04	1.014263	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	(1) Điều 37, Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
05	1.014264	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	(1) Điều 39, Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
06	1.014268	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	(1) Điều 41, Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			(2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.		
07	1.014271	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản <sup>72</sup>	(1) Các Điều 26, 40, 44, và 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Các Phụ lục I, III và V Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
08	1.014273	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	(1) Điều 68 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;  (3) Phụ lục VI Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

<sup>72</sup> Tên TTHC “Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản” được công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
09	1.014257	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản <sup>73</sup>	(1) Các Điều 61, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;  (3) Phụ lục I Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10	1.014265	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Các Điều 61, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
11	1.014266	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản <sup>74</sup>	(1) Các Điều 62, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

<sup>73</sup> TTHC “Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV” công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại TTHC này.

<sup>74</sup> TTHC “Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV” công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại TTHC này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			(2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.		
12	1.014267	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản <sup>75</sup>	(1) Các Điều 64, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (4) Phụ lục I Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
13	1.014269	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản <sup>76</sup>	(1) Các Điều 65, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

<sup>75</sup> TTHC “Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV” công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại TTHC này.

<sup>76</sup> TTHC “Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV” công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại TTHC này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			(2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;  (3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.		
14	1.014270	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản <sup>77</sup>	(1) Các Điều 66, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
15	1.014272	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Các Điều 61, 67 và 154 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.  (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;  (3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

<sup>77</sup> Tên TTHC “Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản” công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			(4) Phụ lục I Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.		
16	1.014466	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản <sup>78</sup>	(1) Điều 49, Điều 50 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
17	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	(1) Điều 103 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.  (2) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
18	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	(1) Điều 104 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
19	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	(1) Điều 105 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

<sup>78</sup> Tên TTHC “Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			<p>quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(2) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>		
20	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	<p>(1) Điều 106 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(2) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
21	1.014295	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	<p>(1) Điều 131, Điều 140 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(2) Phụ lục II Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;</p> <p>(3) Phụ lục IV Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>	Địa chất và khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
22	1.014291	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	(1) Điều 34 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
23	1.014292	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản <sup>79</sup>	(1) Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
25	1.014279	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1) Điều 79 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.  (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
26	1.014280	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1) Điều 80 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
27	1.014281	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1) Điều 81 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

<sup>79</sup> Tên TTHC “Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV” và “Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV” công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			(2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;  (3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.		
28	1.014282	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1) Điều 82 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;  (3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
29	1.014283	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản <sup>80</sup>	(1) Điều 83 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

<sup>80</sup> Tên TTHC “Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản” công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
30	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	(1) Các Điều 96, 97 và 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (3) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (4) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
30	1.014289	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	(1) Điều 6 và Phụ lục I Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
31	1.014290	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	(1) Điều 7 và Phụ lục I Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
31	1.014346	Giao nộp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản <sup>81</sup>	(1) Điều 5, Điều 6 và Phụ lục I Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường

<sup>81</sup> Tên TTHC “Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản” công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
<b>C</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>				
01	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản <sup>82</sup>	(1) Các Điều 96, 97 và 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (3) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;  (4) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
02	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	(1) Điều 131, Điều 140 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;  (2) Phụ lục II Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;  (3) Phụ lục IV Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

<sup>82</sup> Tên TTHC “*Cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản*” công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được sửa đổi bằng tên này.

**B. Sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính tại Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>83</sup>**

**I. Sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính công nhận kết quả thăm dò khoáng sản (số thứ tự 16, mục B), điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (số thứ tự 26, mục B), xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (số thứ tự 29, mục B) tại mục B như sau:**

## **16. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản**

### **16.1. Trình tự thực hiện**

**16.1.1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm I có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; khoáng sản nhóm II**

#### **a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)**

Tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò nhóm I có quy mô phân tán, nhỏ lẻ, khoáng sản nhóm II hoặc đề nghị công nhận kết quả thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chính hoặc xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (nếu có) đối với khoáng sản nhóm I có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; khoáng sản nhóm II lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

#### **b) Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ**

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do.

#### **c) Bước 3. Thẩm định hồ sơ**

*\* Trong thời hạn không quá 45 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:*

---

<sup>83</sup> Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với nội dung công bố tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được gạch chân để làm rõ.

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ.
- Lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia về các nội dung có liên quan trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.
- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật để thẩm định cho từng báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (quy định tại điểm b khoản 4 Điều 54 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ).
- Tổ chức phiên họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật.
- Gửi văn bản thông báo kết luận của Chủ tịch Hội đồng, kèm theo biên bản họp Hội đồng đến tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.
- Tổng hợp hồ sơ, tài liệu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung của tổ chức, cá nhân.

*\* Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản tối đa không quá 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân phải bổ sung khối lượng công tác thăm dò theo yêu cầu của Hội đồng tư vấn kỹ thuật.*

*\* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;
- Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung: Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày làm việc.

#### ***d) Bước 4. Xem xét, quyết định***

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Môi trường trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. Trường hợp không

công nhận kết quả thăm dò khoáng sản phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***đ) Bước 5. Trả kết quả***

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

***16.1.2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà không phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật***

***a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)***

Tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò nhóm III hoặc đề nghị công nhận kết quả thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chính hoặc xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (nếu có) đối với khoáng sản nhóm III lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

***b) Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ***

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do.

***c) Bước 3. Thẩm định hồ sơ***

\* Trong thời hạn không quá 24 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ;

- Lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia về các nội dung có liên quan trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;

- Tổng hợp hồ sơ, tài liệu và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

*\* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

- Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung: Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày làm việc.

*\* Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản tối đa không quá 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân phải bổ sung khối lượng công tác thăm dò theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường.*

#### ***d) Bước 4. Xem xét, quyết định***

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Môi trường trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. Trường hợp không công nhận kết quả thăm dò phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### ***đ) Bước 5. Trả kết quả***

Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

***16.1.3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật***

#### ***a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)***

Tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò nhóm III hoặc đề nghị công nhận kết quả thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chính hoặc xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (nếu có) đối với khoáng sản nhóm III lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

***b) Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ***

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do.

***c) Bước 3. Thẩm định hồ sơ***

*\* Trong thời hạn không quá 31 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:*

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ.

- Lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia về các nội dung có liên quan trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật để thẩm định cho từng báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (quy định tại điểm b khoản 4 Điều 54 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ).

- Tổ chức phiên họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật.

- Gửi văn bản thông báo kết luận của Chủ tịch Hội đồng, kèm theo biên bản họp Hội đồng đến tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

- Tổng hợp hồ sơ, tài liệu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung của tổ chức, cá nhân.

*\* Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản tối đa không quá 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân phải bổ sung khối lượng công tác thăm dò theo yêu cầu của Hội đồng tư vấn kỹ thuật.*

*\* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

- Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung: Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày làm việc.

#### ***d) Bước 4. Xem xét, quyết định***

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Môi trường trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. Trường hợp không công nhận kết quả thăm dò phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### ***đ) Bước 5. Trả kết quả***

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

**16.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

#### **16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### ***a) Thành phần hồ sơ:***

- Bản chính văn bản đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung (Mẫu số 08 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn (Mẫu số 03 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025) hoặc báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

(Mẫu số 04 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng;

- Bản chính biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân.

\* Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng bản giấy, các tài liệu gồm: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả thăm dò bổ sung công trình nâng cấp trữ lượng khoáng sản; Các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng còn phải được gửi bản số được lưu trữ trên thiết bị lưu trữ (USB).

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

#### **16.4. Thời gian giải quyết**

**16.4.1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm I có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; khoáng sản nhóm II**

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc);

- Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

**16.4.2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà không phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật**

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc);

- Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

**16.4.3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật**

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;
- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc);
- Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt;
- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

**16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**16.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan giúp việc thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**16.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**

*\* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn:*

Quyết định công nhận báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn thuộc thẩm quyền công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 25 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

*\* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên:*

Quyết định công nhận báo cáo kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên (Mẫu số 26 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

**16.8. Phí, lệ phí**

Nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản:

<b>STT</b>	<b>Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT)</b>	<b>Mức phí</b>
1	Đến 01 tỷ đồng	10 triệu đồng
2	Trên 01 đến 10 tỷ đồng	10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng)
3	Trên 10 đến 20 tỷ đồng	55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng)
4	Trên 20 tỷ đồng	85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)

**16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung (Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

**16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**16.11. Căn cứ pháp lý**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

**Mẫu số 08 - Phụ lục I**

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa danh, ngày... tháng... năm ....*

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN**  
**KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN/ THĂM DÒ BỔ SUNG**

Kính gửi: ..... (*Tên cơ quan có thẩm quyền*<sup>84</sup>).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*).....

Trụ sở tại: .....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do .....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)<sup>85</sup> số..... ngày..... tháng..... năm..... do .....(*Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh*).....; hoặc Căn cước công dân<sup>86</sup> số ..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã hoàn thành công tác thi công các công trình thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ..... ngày.... tháng..... năm..... của .....(*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*)...../ Văn bản chấp thuận thăm dò bổ sung để .....<sup>87</sup> trong phạm vi khu vực được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày.... tháng.... năm.... của .....(*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác*).....) và đã lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung .....(*tên báo cáo*)..... theo quy định.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... đề nghị .....(*Tên cơ quan có thẩm quyền*<sup>88</sup>)..... thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung theo báo cáo .....(*tên báo cáo*).....

<sup>84</sup> Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

<sup>85</sup> Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài.

<sup>86</sup> Áp dụng đối với cá nhân.

<sup>87</sup> Nêu mục đích của thăm dò bổ sung.

<sup>88</sup> Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết các nội dung, thông tin trong hồ sơ đề nghị công nhận nhận kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung gửi kèm theo văn bản này và các tài liệu nguyên thủy sử dụng để lập báo cáo là trung thực, chính xác, đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Tổ chức, cá nhân**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

**Mẫu số 03 - Phụ lục IV**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP  
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN  
(THĂM DÒ BỔ SUNG)**

.....(tên khoáng sản)....., tại khu vực....., .....(tên cấp xã).....,  
.....(tên cấp tỉnh).....

**Địa danh, tháng... năm...**

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP  
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Tác giả:.....

Chủ biên: .....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN  
(THĂM DÒ BỔ SUNG)**

.....(tên khoáng sản)....., tại khu vực ....., .....(tên cấp xã).....,  
.....(tên cấp tỉnh).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP  
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN  
(Chức danh)

ĐƠN VỊ THI CÔNG ĐỀ ÁN  
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN  
(nếu có)  
(Chức danh)

*Ký, đóng dấu*  
(Họ và tên)

*Ký, đóng dấu*  
(Họ và tên)

**Địa danh, tháng..... năm.....**

## MỤC LỤC

### MỞ ĐẦU

- Cơ sở pháp lý thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung).
- Chủ đầu tư, đơn vị thi công đề án thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung), cơ quan giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung).
- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung), thời gian thực hiện.
- Phương pháp, khối lượng công trình thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung), chủ yếu đã hoàn thành, trữ lượng đạt được.

### CHƯƠNG 1

#### **KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN (THĂM DÒ BỔ SUNG)**

- Vị trí hành chính và địa lý của khu vực thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung), ranh giới và diện tích thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung).
- Khái quát về địa hình, khí hậu, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hóa. Điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp, nông nghiệp.
- Khái quát công tác nghiên cứu địa chất khu vực, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò khoáng sản đã tiến hành trước đây và hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản (nếu có).

### CHƯƠNG 2

#### **ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO ĐỊA CHẤT MỎ**

- Khái quát về vị trí khu vực thăm dò khoáng sản trong cấu trúc địa chất chung của vùng (khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo...);
- Đặc điểm địa chất mỏ: nêu chi tiết về đặc điểm địa tầng, magma, kiến tạo và các yếu tố khống chế các thân quặng (thân nguyên liệu).
- Đặc điểm các thân quặng: Số lượng, vị trí phân bố (từ dưới lên trên), mối liên kết của các thân quặng theo đường phương và hướng cắm.
- Khái quát đặc điểm cấu tạo từng thân quặng: Vị trí, diện phân bố, hình dáng, chiều dày, kích thước theo đường phương (từ tuyến...đến tuyến), hướng dốc, thế nằm, đặc điểm vót nhọn, công trình khống chế (trên mặt và dưới sâu). Trình bày đặc điểm biến đổi các thông số chiều dày theo công trình (min, max, TB, hệ số biến thiên  $V_m$ ) của thân quặng trong không gian, sự phân bố các thành phần có ích chính, đi kèm, các tạp chất có hại (min, max, TB, hệ số biến thiên hàm lượng  $V_c$ ), đặc điểm phân bố các khoáng quặng giàu, quặng nghèo, mối quan

hệ giữa thân quặng và đá vây quanh. Thành phần và đặc điểm phân bố các lớp kẹp không chứa quặng hoặc quặng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng, tỷ lệ của chúng trong thân quặng. Đặc điểm phong hóa, sự biến đổi nguyên sinh và thứ sinh của khoáng sản và đá vây quanh, cuối phần này phải lập bảng thể hiện các thông số cơ bản của thân quặng đã mô tả.

Nhận định về nguồn gốc thành tạo quặng qua các tài liệu nghiên cứu, tài liệu thăm dò, khai thác ở mỏ và các khu vực lân cận, các khu vực có điều kiện địa chất tương tự.

Đối với mỏ có biểu hiện karst ngầm hoặc lộ trên mặt phải lý giải các phương pháp xác định mức độ karst.

Đối với mỏ sa khoáng, phải mô tả đặc điểm địa mạo (cổ địa lý) tích tụ sa khoáng; điều kiện thế nằm của sa khoáng; đặc điểm hình dáng, kích thước, cấu tạo và thành phần của thân sa khoáng; thành phần và chiều dày lớp phủ; cấu tạo địa chất đáy thân sa khoáng; hàm lượng các thành phần có ích chính trong cát quặng, trong lớp phủ và trong tầng đá lót đáy; hình dáng, kích thước, mức độ mài tròn các khoáng vật có ích; hàm lượng các thành phần chứa trong khoáng vật (tuổi vàng đối với vàng sa khoáng); thành phần cấp hạt, độ chứa sét, chứa đá tảng, mức độ chứa nước...

Đối với mỏ than phải thống kê số lượng vỉa đã phát hiện có thể khai thác, không khai thác. Đối với các vỉa có thể khai thác cần mô tả chi tiết vị trí, chiều sâu, đặc tính đất đá vách, trụ vỉa than, các dấu hiệu để nối vỉa, công trình khống chế. Đối với các vỉa đang khai thác cần chỉ dẫn diện tích và độ sâu khai thác; chiều dày, cấu tạo vỉa; so sánh kết quả khai thác với kết quả thăm dò khoáng sản.

### **CHƯƠNG 3**

## **CÔNG TÁC THĂM DÒ ĐỊA CHẤT**

## **VÀ CÁC VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Công tác thăm dò địa chất**

- Cơ sở phân chia nhóm mỏ thăm dò cần căn cứ trên cơ sở đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ, kết quả thống kê và địa thống kê một số thông số đặc trưng thân quặng như chiều dày, hàm lượng, tính đẳng hướng, dị hướng, bán kính đới ảnh hưởng....;

- Mạng lưới công trình thăm dò đã được áp dụng cho từng cấp trữ lượng, cách thức bố trí công trình thăm dò, dạng công trình thăm dò,....;

- Đánh giá sự phù hợp của nhóm mỏ thăm dò, mạng lưới bố trí công trình thăm dò so với quy định và kết quả đạt được so với Đề án.

- Báo cáo chi tiết hệ phương pháp, khối lượng đã thực hiện và kết quả đạt được theo các yêu cầu như sau:

#### **1.1. Công tác trắc địa**

*a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng*

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện;

*b) Nội dung công tác kỹ thuật*

- Thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao: Nêu điểm gốc nhà nước, từng loại lưới khống chế mặt phẳng, độ cao đã thành lập; thiết bị sử dụng đo, phương pháp đo, phương pháp tính toán, bình sai; so sánh kết quả độ chính xác lưới sau bình sai với chỉ tiêu kỹ thuật cho phép theo quy định hiện hành.

- Thành lập bản đồ địa hình: Nêu phương pháp đo, thiết bị thành lập bản đồ địa hình; tỷ lệ bản đồ, khoảng cao đều, múi chiếu và kinh tuyến trục, diện tích thăm dò; mật độ trung bình điểm chi tiết trên  $dm^2$  bản đồ,... Nêu một số đặc điểm chính về địa hình, địa vật và hiện trạng nổi bật trong khu thăm dò.

- Công tác trắc địa công trình: Phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế ra thực địa và đo thu về bản đồ, khối lượng công trình chủ yếu và thứ yếu; phương pháp định tuyến, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò; bổ sung công tác xác định các công trình cũ (nếu có), ...

- Đánh giá chung về khối lượng, chất lượng công tác trắc địa và kết quả đạt được; So sánh với đề án thăm dò.

*c) Các sản phẩm:*

- Tài liệu nguyên thủy: Các file gốc đo lưới khống chế mặt phẳng và độ cao bằng công nghệ GPS, cùng sổ đo trạm máy; Sổ đo lưới khống chế mặt phẳng và độ cao (nếu đo bằng phương pháp truyền thống); Các file điểm đo chi tiết địa hình, đo mặt cắt được trút ra từ máy toàn đạc điện tử và in nộp sổ đo; Sổ đo điểm công trình địa chất; Sổ đo thủy chuẩn (nếu dẫn độ cao bằng phương pháp đo cao hình học); Phiếu cấp tọa độ, độ cao các điểm gốc và bản đồ địa hình (nếu có); Phiếu kiểm định máy đo đạc.

- Tài liệu tổng hợp: Bảng tính toán bình sai lưới khống chế mặt phẳng, độ cao; Bảng tính bình sai lưới thủy chuẩn (nếu có); Bảng tính tọa độ và độ cao công trình; Bảng thống kê tọa độ, độ cao các điểm lưới khống chế mặt phẳng, độ cao đã thành lập; Bảng thống kê tọa độ, độ cao công trình địa chất và bảng thống kê tọa độ, độ cao các điểm đo chi tiết địa hình, điểm đo mặt cắt (nếu có); Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao; Bản đồ địa hình; Mặt cắt địa hình (nếu có); Lập phụ lục riêng cho công tác trắc địa.

**1.2. Công tác địa chất**

Gồm các dạng công việc: Đo vẽ lập bản đồ địa chất khoáng sản và các dạng công việc khác như địa hóa, trọng sa, nghiên cứu chuyên đề ... (nếu có).

*a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng*

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các dạng công việc đã thực hiện.

*b) Nội dung công tác kỹ thuật*

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện, đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

*c) Các sản phẩm:*

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký địa chất và bản đồ hành trình kèm theo; Bản đồ hoặc sơ đồ bố trí công trình thực tế; Các sổ thống kê mẫu, thống kê công trình thăm dò; Ảnh chụp vết lộ quan trọng.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục kèm theo báo cáo.

**1.3. Công tác địa vật lý**

*a) Công tác địa vật lý chung:*

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng, phương pháp tiến hành; máy móc, thiết bị sử dụng; chất lượng tài liệu, đánh giá kết quả đạt được và hiệu quả từng phương pháp.

*b) Công tác địa vật lý lỗ khoan:*

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ của công tác địa vật lý lỗ khoan đã được phê duyệt trong Đề án; Khối lượng đã thực hiện; Tổ hợp phương pháp thi công; Máy móc, thiết bị đã huy động thực hiện trong Đề án; Kỹ thuật thi công của từng phương pháp; Kết quả kiểm soát chất lượng của từng phương pháp; Phương pháp phân tích tài liệu, xây dựng thiết đồ địa vật lý lỗ khoan; Kết quả địa chất đạt được của công tác địa vật lý; Đánh giá hiệu quả của tổ hợp phương pháp; xác lập cột địa tầng địa vật lý lỗ khoan và so sánh với cột địa tầng thực tế khoan; mức độ sử dụng kết quả địa vật lý lỗ khoan trong việc xác định chiều dày và tính trữ lượng...

*c) Các sản phẩm:*

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đo các phương pháp địa vật lý thực hiện trong đề án thăm dò khoáng sản (điện, từ, xạ, trọng lực...); Các tài liệu hiệu chuẩn, kiểm chuẩn thiết bị địa vật lý theo quy định; Các sổ đo kiểm tra, sổ đánh giá chất lượng tài liệu thực địa; Nhật ký đo carota lỗ khoan; Các file kết quả đo địa vật lý lưu trên thiết bị đo hoặc máy tính; Các tài liệu thực tế hàng ngày, từng hành trình biểu diễn dưới dạng đường cong, sơ đồ, đồ thị, mặt cắt tương ứng với từng phương pháp thi công thực tế; Bảng tính sai số đo kiểm tra của toàn bộ lỗ khoan đo địa vật lý; Tập thiết đồ nguyên thủy của từng lỗ khoan.

- Tài liệu tổng hợp: Báo cáo thuyết minh và các bản vẽ phân tích, xử lý tương ứng với từng phương pháp đã thi công theo quy định địa vật lý hiện hành; Lập phụ lục riêng về công tác địa vật lý.

- Báo cáo nội dung và kết quả thi công công tác địa vật lý đã thi công

#### **1.4. Thi công công trình thăm dò**

##### *a) Công trình khai đào:*

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình; khối lượng đã thực hiện; quy cách kỹ thuật áp dụng và đánh giá hiệu quả, kết quả từng loại hình công trình.

##### *b) Công trình khoan:*

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và bố trí mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan, kết cấu và độ sâu các lỗ khoan; số lượng và khối lượng khoan, trạng thái lỗ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan qua đá, lõi khoan qua quặng (có thể tính theo trọng lượng hoặc thể tích đối với khoan lấy mẫu sa khoáng). Đánh giá hiệu quả công trình khoan lấy mẫu phục vụ công tác nghiên cứu địa chất và tính trữ lượng.

##### *c) Các sản phẩm:*

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đăng ký công trình; Thiết đồ công trình khai đào (vết lộ, hố, hào, giếng, lò); Sổ theo dõi địa chất lỗ khoan; Nhật ký khoan (sổ khoan); Thiết đồ lỗ khoan tổng hợp; Ảnh chụp mẫu công trình khai đào, mẫu lõi khoan.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục kèm theo báo cáo

#### **1.5. Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu**

##### *a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng*

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của từng loại mẫu về các phương pháp lấy, gia công, phân tích mẫu đã áp dụng: chủng loại, số lượng, kích thước, khoảng cách giữa các mẫu, sơ đồ gia công mẫu phân tích định lượng, phương pháp phân tích, số lượng mẫu kiểm tra; kết quả kiểm tra, đánh giá sai số và khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc luận giải và tính trữ lượng khoáng sản.

##### *b) Nội dung kỹ thuật*

- Lấy mẫu: Mô tả chính xác quá trình lấy mẫu đã thực hiện. Đối với mỗi loại mẫu cần nêu được mục đích, vị trí, cách thức, khối lượng mẫu (kích thước), số lượng (tất cả quá trình này đều phải phù hợp với hồ sơ ghi chép thực tế).

- Gia công mẫu: nêu rõ quy trình gia công, sơ đồ rút gọn mẫu thực tế.

- Phân tích mẫu: nêu đầy đủ chỉ tiêu phân tích, phương pháp phân tích, số lượng mẫu, tên phòng thí nghiệm thực hiện đối với mỗi loại mẫu.

- Đánh giá chất lượng kết quả phân tích mẫu: tuân thủ theo các quy định hiện hành về loại mẫu kiểm soát, số lượng, bảng tính toán sai số.

### c) Các sản phẩm

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ lấy mẫu; Sổ đăng ký mẫu gia công, phân tích; Phiếu gửi mẫu; Phiếu chứng nhận kết quả thử nghiệm.

- Tài liệu tổng hợp: Sổ tổng hợp các loại mẫu; Phụ lục thống kê, đánh giá sai số theo biểu mẫu quy định.

## 2. Các vấn đề về bảo vệ tài nguyên, môi trường

Các loại mẫu đã lấy để thí nghiệm, xác định sự có mặt của các khoáng sản khác, khoáng sản quý hiếm, phóng xạ... để đề xuất phương án thu hồi, bảo vệ khi khai thác khoáng sản chính.

Ảnh hưởng của công tác thăm dò khoáng sản đến môi trường xung quanh được phản ánh thông qua mức độ biến đổi cảnh quan thiên nhiên trong vùng, sự thay đổi chế độ nước mặt, nước ngầm, sự nhiễm bản bầu khí quyển, thủy quyển và giảm độ phì nhiêu của đất trồng và các ảnh hưởng tiêu cực khác.

Các giải pháp làm giảm thiểu tác động môi trường đã được thực hiện.

## 3. Những thay đổi về diện tích thăm dò khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản

Nêu rõ những thay đổi về diện tích thăm dò khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản so với đề án thăm dò khoáng sản được phê duyệt (nếu có); nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi đó.

## CHƯƠNG 4

### ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG VÀ TÍNH CHẤT CÔNG NGHỆ CỦA KHOÁNG SẢN

#### 1. Đặc điểm chất lượng khoáng sản

- Phân chia các loại, kiểu quặng tự nhiên và công nghiệp;

- Thành phần khoáng vật quặng chính, đi kèm và phi quặng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ.

- Các tính chất về cơ lý, cấu tạo, kiến trúc và các đặc điểm khác. Quy luật phân bố các loại, kiểu quặng tự nhiên, hạng quặng công nghiệp và tỷ lệ của chúng trong phạm vi mỏ (khoảnh mỏ, khu mỏ, phân khu mỏ) và trong từng thân khoáng. Sự biến đổi thành phần và tính chất cơ lý của quặng trong đới phong hóa (oxy hóa), độ sâu phát triển của đới này. Các tiêu chuẩn phân chia theo mức độ phong hóa.

- Thành phần hóa: Sự biến đổi thành phần chính theo mẫu đơn, theo công trình (trên mặt và dưới sâu), theo khối tính trữ lượng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ; hàm lượng các nguyên tố, thành phần có ích chính và tạp chất có hại (theo mẫu nhóm, theo khối trữ lượng). Xác định mối tương quan giữa các

thành phần có ích chính và đi kèm. Đánh giá khả năng khai thác lựa chọn và chế biến các loại, kiểu quặng công nghiệp, các thành phần chính và đi kèm.

- Đối với than, cần thống kê và đánh giá số lượng, chất lượng công tác lấy, phân tích mẫu; đánh giá trạng thái tự nhiên và tính chất vật lý, thành phần thạch học của than theo từng vỉa than; phương pháp tính và xác định độ tro trung bình, độ tro hàng hóa; thành phần tro, độ nóng chảy của tro than; thành phần lưu huỳnh, photpho đối với than giàu lưu huỳnh, photpho...; tính chất cơ lý của than như tỷ trọng, độ kiên cố, độ bền cơ học (riêng cho từng loại ôxy hóa và chưa ôxy hóa).

Đối với vỉa phức tạp cần mô tả chi tiết thành phần, cấu tạo địa chất, đặc tính cơ lý các lớp đá kẹp; mức độ thay đổi thành phần và tính chất của than khi để ngoài trời; đánh giá sự có mặt của các khoáng sản có ích trong than, lớp phủ, đá vây quanh (nếu có).

Kiến nghị về phương pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên than đã thăm dò; sản phẩm đi kèm (nếu có).

## **2. Tính chất công nghệ của quặng**

- Phương pháp lấy mẫu và nghiên cứu thí nghiệm tính chất công nghệ của quặng. Tính đại diện của mẫu về khối lượng, vị trí không gian, thành phần vật chất, hàm lượng các thành phần có ích chính, đi kèm và các chỉ tiêu khác đối với thân quặng, toàn mỏ.

- Kết quả nghiên cứu tính chất công nghệ của khoáng sản ở quy mô phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm mở rộng (bán công nghiệp). công nghiệp vv.

- Các tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu và kết quả đạt được.

- Kết luận về tính chất công nghệ, khả năng làm giàu, chế biến và sử dụng trong công nghiệp.

- Đánh giá mức độ sử dụng kết quả nghiên cứu mẫu công nghệ để thiết kế sơ đồ công nghệ chế biến thu hồi tổng hợp các thành phần có ích. So sánh các thông số kinh tế - kỹ thuật thu được với các chỉ tiêu của nhà máy chế biến nguyên liệu khoáng có thành phần tương tự ở trong nước và ở nước ngoài.

## **CHƯƠNG 5**

### **ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT THỦY VĂN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ**

#### **1. Công tác đo vẽ địa chất thủy văn, địa chất công trình**

##### *a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng*

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các công tác nghiên cứu địa chất thủy văn (trong mẫu này gọi tắt là ĐCTV) và địa chất công trình (trong mẫu này gọi tắt là ĐCCT) đã tiến hành.

##### *b) Nội dung công tác kỹ thuật*

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện (Đo vẽ lập sơ đồ, bản đồ ĐCTV - ĐCCT; khoan ĐCTV - ĐCCT chuyên môn; quan trắc đơn giản ĐCTV - ĐCCT; quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm tại các trạm; bơm nước thí nghiệm; mức nước thí nghiệm; công tác lấy, gia công, phân tích mẫu cơ lý đất đá, nước, vi sinh...); đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò khoáng sản.

*c) Các sản phẩm*

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký ĐCTV - ĐCCT và bản đồ tài liệu thực tế kèm theo; Các mặt cắt ĐCTV - ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV - ĐCCT; Các loại sổ liên quan đến các công tác ĐCTV - ĐCCT đã thực hiện (Sổ quan trắc ĐCTV - ĐCCT công trình khoan, khai đào; Sổ bơm nước thí nghiệm lỗ khoan; Sổ đồ nước thí nghiệm; Sổ quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; Sổ tổng hợp Tài liệu khí tượng thủy văn; Sổ lấy mẫu cơ lý đất, Sổ lấy mẫu cơ lý đá, Sổ lấy mẫu nước, Sổ lấy mẫu vi sinh...).

- Tài liệu tổng hợp: Lập Phụ lục công tác ĐCTV - ĐCCT kèm theo.

**2. Đặc điểm địa chất thủy văn**

*a. Đặc điểm nước mặt*

- Mạng lưới sông, suối; chiều dài, rộng và sâu của sông, suối; độ dốc lòng sông mức độ uốn khúc đặc điểm phù sa của sông, suối...

- Độ cao mực nước sông, suối; lưu lượng nước vào mùa khô, mùa mưa, sự biến đổi hàng tháng của sông, suối.

- Chế độ lũ lụt và diện tích bị ngập nước. Đặc điểm các dòng chảy tạm thời như ao, hồ, đầm lầy v.v... và sự ảnh hưởng của chúng đối với khai thác mỏ.

*b. Đặc điểm nước ngầm*

- Phân chia phức hệ ĐCTV, mô tả các đơn vị chứa nước theo thứ tự tuổi địa tầng từ trẻ đến già. Diện tích phân bố, thành phần thạch học, khoáng vật của đá, thành phần hạt, tính phân lớp, độ nứt nẻ, mức độ karst hóa, vật chất đầm lầy, hang hốc karst và khe nứt, sản trạng và chiều dày của lớp.

- Tính chất vật lý và tính thấm nước của đá chứa nước, độ phong phú của nước. Tính chất thủy lực (không áp, có áp). Chiều sâu mực nước ngầm (hay mực áp lực) và động thái của chúng. Mức độ chênh lệch của mực nước (mực áp lực) so với gốc xâm thực địa phương và so với mức sâu nhất dự kiến khai thác. Sự liên hệ thủy lực giữa các tầng chứa nước và giữa nước mặt và nước ngầm.

- Đặc tính ĐCTV của đới phong hóa, của đới phá hủy kiến tạo và các đứt gãy lớn cắt qua các thân khoáng.

- Đặc điểm các tầng (lớp) cách nước.

- Đánh giá các nguồn nước và dự tính lượng nước có thể chảy vào mỏ. Khi tính toán phải căn cứ vào đặc điểm nguồn nước và dựa vào các mặt cắt ĐCTV để chọn sơ đồ, phương pháp và công thức tính phù hợp. Khi trong vùng nghiên cứu có mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCTV tương tự với mỏ thăm dò thì nhất thiết phải sử dụng các số liệu thực tế về lượng nước chảy vào mỏ để đánh giá điều kiện ĐCTV của mỏ thăm dò. So sánh kết quả tính toán với số liệu thực tế để tìm hiểu nguyên nhân khắc phục. Đánh giá mức độ tin cậy của các số liệu tính toán.

- Dự đoán khả năng nước chảy vào mỏ khi hoạt động khai thác tiến đến gần sông, hồ, các công trình chứa nước hoặc các giếng khai thác cũ chứa nước. Khả năng bực nước chảy vào mỏ khi khai thác, biện pháp xử lý.

- Đánh giá các nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước kỹ thuật.

- Xác định số lượng và chất lượng của nguồn nước mặt và nước ngầm. Tính chất vật lý và thành phần hóa học của nước. Hàm lượng chất độc hại và lượng vi trùng trong nước. Đánh giá tính chất ăn mòn của nước đối với bê tông và kim loại. Khả năng sử dụng nước tháo khô mỏ vào mục đích cấp nước sinh hoạt. Điều kiện bảo vệ vệ sinh các nguồn nước cấp cho ăn uống.

### **3. Đặc điểm địa chất công trình**

- Khái quát về sự phân bố các loại đất đá theo diện và theo chiều sâu trong phạm vi thăm dò. Mô tả các loại đất đá theo thứ tự từ trên xuống dưới. Trạng thái đất đá khi còn tươi và khi đã bị phong hóa. Tính chất cơ lý của đất, đá nửa cứng, đá cứng, đặc biệt ở trụ và vách, quặng. Tính chất cơ lý của đất đá trong đới phá hủy, đới phong hóa. Phương pháp nghiên cứu thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý, đánh giá mức độ tin cậy của các kết quả thu được. So sánh các kết quả thí nghiệm trong phòng và ngoài trời (nếu có). Đối chiếu các số liệu thí nghiệm với số liệu của mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCCT tương tự.

- Các hiện tượng địa chất tự nhiên và ĐCCT.

- Diện phân bố, quy mô và giai đoạn phát triển, điều kiện và nguyên nhân phát sinh (trượt lở, nương xói, karst, xói ngầm, bùng nền...). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các hiện tượng. Mức độ nguy hại của chúng đối với xây dựng và khai thác mỏ. Biện pháp ngăn ngừa và xử lý.

### **4. Điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ**

- Khái quát cơ sở hạ tầng khu mỏ, mô tả các điều kiện địa chất - khai thác của mỏ ảnh hưởng tới phương pháp, công nghệ khai thác mỏ (địa hình, chiều dày và đặc điểm thạch học của trầm tích phủ, mức độ phức tạp về cấu tạo thân khoáng, chiều dày và sự biến đổi của chúng).

- Đối với mỏ dự kiến khai thác lộ thiên cần có các số liệu về tính chất, thành phần và chiều dày của đất đá phủ. Đặc điểm phong hóa, thành phần thạch học,

đặc điểm phân lớp, hướng cắm và góc dốc của vỉa... làm căn cứ để tính toán xác định hệ số bóc trung bình, tối đa, góc dốc bờ tầng, bờ moong khai trường.

- Đối với mỏ dự kiến khai thác hầm lò, mô tả các tính chất cơ lý của đá vách, đá trụ và thân khoáng cũng như đất đá trong đới mềm yếu (đới phong hóa, karst, đới dập vỡ kiến tạo...) cho phép tính toán, xác định áp lực đá lên nóc, đáy và hông lò và lên thành giếng mỏ. Các yếu tố khác làm phức tạp hóa trong quá trình khai thác như: mức độ karst, cát chảy, bực nước, khí độc hại, mức độ chứa phóng xạ của quặng và đất đá vây quanh, sự có mặt của các hợp chất độc hại, mức độ độc hại của bụi khi tiến hành công tác khai thác và các yếu tố khác ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

- Phạm vi diện tích không chứa khoáng sản cho phép bố trí các hạng mục công trình sản xuất và sinh hoạt cũng như sử dụng làm bãi thải.

## **CHƯƠNG 6**

### **CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHÍ MỎ**

**(đối với các báo cáo kết quả thăm dò có công tác nghiên cứu khí mỏ  
theo đề án thăm dò, thăm dò bổ sung)**

#### **1. Phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu**

- Nêu rõ phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu, thiết bị nghiên cứu.
- Phòng thí nghiệm phân tích mẫu khí qua các giai đoạn.

#### **2. Khối lượng, chất lượng công tác nghiên cứu khí**

- Khối lượng các mẫu khí (định tính, định lượng) qua các giai đoạn thăm dò khoáng sản.

- Chất lượng các mẫu khí.

#### **3. Đặc điểm phân bố khí và xếp hạng cấp khí mỏ**

a) Kết quả nghiên cứu khí và xếp hạng cấp khí mỏ.

- Hàm lượng các chất khí ( $\text{CO}_2$ ,  $\text{H}_2$ ,  $\text{CH}_4$ ,  $\text{CH}_4 + \text{H}_2$ ).
- Độ chứa khí tự nhiên ( $\text{CO}_2$ ,  $\text{H}_2$ ,  $\text{CH}_4$ ,  $\text{CH}_4 + \text{H}_2$ ).

b) Kết quả nghiên cứu khí theo các công trình khác.

c) Kết quả nghiên cứu khí theo mức cao của báo cáo thăm dò.

d) Đặc điểm phân bố khí.

e) Phân loại mỏ theo cấp khí:

- Cơ sở pháp lý về phân cấp khí mỏ.
- Phân cấp khí mỏ theo kết quả thăm dò.
- Phân cấp khí mỏ theo Bộ Công Thương qua các năm.

- Kết quả phân cấp khí mỏ theo kết quả tổng hợp.
- g) Những vấn đề cần quan tâm trong quá trình khai thác mỏ.
  - Về trang thiết bị điện trong mỏ.
  - Về đo khí trong mỏ (thiết bị cầm tay, hệ thống cảnh báo khí).
  - Về công tác thông gió mỏ.

## **CHƯƠNG 7**

### **CÔNG TÁC TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN**

- Chỉ tiêu dùng để tính trữ lượng khoáng sản theo báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản;
- Luận giải về tính hợp lý của phương pháp tính trữ lượng khoáng sản được áp dụng;
  - Nguyên tắc, cách thức khoan nôi thân khoáng tính trữ lượng;
  - Phân khối và xếp cấp trữ lượng khoáng sản.
  - Xác định các thông số tính trữ lượng khoáng sản.
- Kết quả tính trữ lượng khoáng sản chính, khoáng sản và thành phần có ích đi kèm (nếu có); khối lượng đất bốc, đá kẹp đối với khu vực dự kiến khai thác bằng phương pháp lộ thiên.

Trong trường hợp sử dụng phần mềm chuyên dùng để tính trữ lượng khoáng sản, cần phải mô tả phương pháp, quy trình tính toán đảm bảo khả năng xem xét, kiểm tra và hiệu chỉnh các cơ sở dữ liệu (database) như: tọa độ công trình thăm dò khoáng sản, dữ liệu lỗ khoan, các trường địa chất, vị trí và kết quả lấy mẫu; nguyên tắc nội ngoại suy, kết quả xác lập mô hình hóa thân khoáng, mô tả các đặc trưng về tính đẳng hướng, dị hướng, biểu đồ variogram, xác định kích thước các vi khối tính trữ lượng khoáng sản và các thông số liên quan (chiều dày, hàm lượng, diện tích,...).

## **CHƯƠNG 8**

### **HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

- Chi phí chung cho công tác thăm dò khoáng sản, trong đó những hạng mục công việc chính được trình bày chi tiết;
- Giá thành thăm dò khoáng sản cho một tấn (một đơn vị tính) trữ lượng khoáng sản.
- Phân tích tính đúng đắn của các hệ phương pháp, khối lượng thăm dò đã được áp dụng và những đề nghị để nâng cao hiệu quả thăm dò.

## **KẾT LUẬN**

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã hoàn thành;

- Kết quả chính báo cáo thăm dò khoáng sản đạt được;
- Công tác nghiên cứu chất lượng và tính chất công nghệ của quặng;
- Kết quả tính trữ lượng;
- Điều kiện ĐCTV - ĐCCT;
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu tiếp theo.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Liệt kê các tài liệu đã xuất bản, các nguồn lưu trữ và các nguồn khác đã được sử dụng khi thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trình cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản. Nêu tên tài liệu, tác giả, năm và nơi xuất bản (thành lập).

## **PHẦN PHỤ LỤC**

### **1. Phụ lục các kết quả tính toán, phân tích**

- Phụ lục 1: Báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản.
- Phụ lục 2: Công tác trắc địa (toàn bộ nội dung công tác trắc địa).
- Phụ lục 3: Kết quả phân tích các loại mẫu.
- Phụ lục 4: Kết quả tính toán (gồm sai số phân tích mẫu, thống kê hàm lượng, chiều dày theo mẫu đơn, công trình, thân quặng...).
- Phụ lục 5: Kết quả tính trữ lượng khoáng sản (gồm kết quả tính hàm lượng trung bình công trình, khối trữ lượng, thể trọng, trữ lượng, tài nguyên...).
- Phụ lục 6: Công tác ĐCTV-ĐCCT (bao gồm toàn bộ các hạng mục của thủy văn và công trình).
- Phụ lục 7: Công tác Địa vật lý (nếu có).
- Phụ lục 8: Công tác nghiên cứu khí mỏ (nếu có).
- Phụ lục 9: Kết quả thí nghiệm mẫu công nghệ hoặc báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu công nghệ.
- Phụ lục 10: Tập thiết đồ công trình (khoan, hào, giếng, lò, vết lộ).

### **2. Phụ lục các bản đồ, bản vẽ**

Các bản đồ, bản vẽ được lập với số lượng ít nhất nhưng đảm bảo đưa vào đầy đủ các tài liệu, thông tin, số liệu thăm dò khoáng sản và thể hiện được cấu trúc, hình dáng, kích thước và thể nằm của thân khoáng, đặc điểm địa chất, ĐCTV và ĐCCT của mỏ.

Bản vẽ phải thành lập rõ ràng, chính xác, chỉ dẫn đầy đủ, đảm bảo tính thống nhất. Các bản vẽ chủ yếu trong một báo cáo có thể bao gồm:

- Bản đồ vị trí giao thông khu mỏ tỷ lệ 1:100.000 - 1.200.000 (đóng cùng thuyết minh).

- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000.

- Bản đồ địa hình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000.

- Bản đồ địa chất khu vực tỷ lệ 1:10.000 - 1:50.000 và mặt cắt qua mỏ (có thể đóng cùng thuyết minh).

- Bản đồ tài liệu thực tế địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000).

- Bản đồ địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000), kèm theo mặt cắt địa chất.

- Mặt cắt địa chất theo các tuyến thăm dò khoáng sản có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ bản đồ địa chất.

- Bình đồ địa chất, bình đồ lấy mẫu theo tầng (trong trường hợp các công trình thăm dò khoáng sản bố trí theo tầng).

- Các bình đồ đồng đẳng trụ vỉa (thân khoáng), đồng đẳng vách (đối với mỏ khai thác lộ thiên); bình đồ đồng đẳng hàm lượng thành phần có ích chính, đi kèm, tạp chất có hại; bình đồ đồng đẳng chiều dày vỉa (thân khoáng), chiều dày đất phủ. Các bình đồ này có tỷ lệ tương ứng với bản đồ địa chất mỏ.

- Biểu đồ nghiên cứu địa vật lý mỏ; bình đồ đo vẽ địa vật lý chi tiết kèm theo vị trí các tuyến; các kết quả xử lý các dị thường đã phát hiện; bình đồ tổng hợp các dị thường địa vật lý, tỷ lệ 1:2.000 - 1:10.000 dựa theo số liệu nghiên cứu, địa vật lý tổng hợp và ranh giới thân khoáng; các mặt cắt địa vật lý - địa chất; các giản đồ karota lỗ khoan.

- Các bình đồ phân khối tính trữ lượng khoáng sản, hình chiếu dọc và mặt cắt tính trữ lượng khoáng sản, bình đồ phân bố thân quặng. Trên các bản vẽ tính trữ lượng khoáng sản phải thể hiện ranh giới các khối tính trữ lượng khoáng sản. Đối với từng khối phải ghi số hiệu và cấp trữ lượng khoáng sản. Con số trữ lượng khoáng sản, hàm lượng trung bình và trữ lượng khoáng sản có ích chính và khoáng sản đi kèm hoặc các chỉ tiêu về chất lượng trung bình khác được quy định trong chỉ tiêu. Tại các mỏ đang khai thác, trên các bản vẽ này phải đưa ranh giới trữ lượng khoáng sản tính theo số liệu trắc địa mỏ.

- Bản đồ tài liệu thực tế ĐCTV - ĐCCT khu vực thăm dò khoáng sản tỷ lệ 1:1000 - 1:5000.

- Bản đồ ĐCTV khu vực thăm dò khoáng sản tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000.

- Bản đồ ĐCCT khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000.
- Các mặt cắt ĐCTV - ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV - ĐCCT.
- Các đồ thị khí tượng thủy văn; đồ thị quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; đồ thị tổng hợp bơm nước thí nghiệm; các đồ thị quan trắc ĐCCT (quan trắc trượt lở, bùng nền lò, sụt lún mặt đất...).

### **3. Phụ lục luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản**

#### **3.1. Khái quát chung về khu vực thăm dò khoáng sản**

- Khái quát về mỏ và khu vực thăm dò khoáng sản;
- Đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ;
- Công tác thăm dò khoáng sản đã tiến hành;

3.2. Đặc điểm chất lượng khoáng sản, tính khả thi về kỹ thuật công nghệ và cơ sở lựa chọn các các giá trị giới hạn thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản

Cơ sở lựa chọn các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản xác định trên cơ sở các số liệu về địa chất mỏ, đặc điểm địa chất các thân quặng, thành phần vật chất và tính chất công nghệ của quặng, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ thu thập được trong quá trình thăm dò khoáng sản; các tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn ngành, các yêu cầu công nghiệp và các chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản áp dụng cho các mỏ có cấu tạo địa chất, thành phần vật chất và điều kiện khai thác tương tự đang khai thác hoặc đã thăm dò trong vùng. Kết quả dự tính trữ lượng theo chỉ tiêu dự kiến.

3.3. Luận giải các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản a) Chỉ tiêu về chất lượng khoáng sản

- Hàm lượng biên của các thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng biên của các thành phần có ích quy định cho mẫu đơn khi ranh giới thân quặng không rõ ràng;

- Hàm lượng công nghiệp tối thiểu của thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng công nghiệp tối thiểu quy định cho các khối tính trữ lượng khoáng sản. Trường hợp đặc biệt có thể quy định cho nhóm khối trữ lượng khoáng sản hoặc toàn mỏ; (xem lại khái niệm hàm lượng CN (trung bình khối để trình bày lại nội dung này

- Hàm lượng tối đa đối với thành phần có hại. Chỉ tiêu này quy định cho mẫu đơn và khối tính trữ lượng khoáng sản hoặc toàn mỏ;

- Hệ số chứa quặng tối thiểu trong khối tính trữ lượng khoáng sản. Chỉ tiêu này áp dụng cho các mỏ có sự phân bố khoáng sản có ích không liên tục hoặc dạng ô, mạng mạch stocvet, khi trữ lượng khoáng sản đạt chỉ tiêu không thể

khoanh nổi riêng trên cơ sở chỉ tiêu công nghiệp và điều kiện iện kinh tế kỹ thuật khai thác mỏ và việc tính trữ lượng khoáng sản phải thực hiện bằng phương pháp xác suất.

b) Chỉ tiêu về chiều dày tính trữ lượng khoáng sản

- Chiều dày tối thiểu thân quặng (via, thân, mạch quặng, hoặc tích mét phần trăm tối thiểu hoặc gam.met tối thiểu);

- Chiều dày tối đa cho phép của lớp đá hoặc quặng không đạt chỉ tiêu nằm bên trong thân quặng được khoanh vào ranh giới tính trữ lượng khoáng sản;

- Chiều sâu tối đa tính trữ lượng khoáng sản, chiều dày giới hạn của đá phủ hoặc hệ số bóc đất tối đa.

Ngoài các nội dung nêu trên, tùy thuộc vào đặc điểm cấu tạo địa chất, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ, loại khoáng sản, thành phần vật chất khoáng sản, lĩnh vực sử dụng và yêu cầu công nghiệp cần bổ sung thêm các quy định vào chỉ tiêu cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Kết quả tính trữ lượng khoáng sản theo các phương án hàm lượng đã lựa chọn; so sánh và đề xuất chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản tối ưu cho mỏ.

**Mẫu số 25 - Phụ lục III**

(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-UBND

Địa danh, ngày..... tháng ..... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH****Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản**

**mở .....(tên khoáng sản)..... tại khu vực ....., .....(tên cấp xã).....,  
.....(tên cấp tỉnh).....  
(Trừ lượng tính đến tháng ..... năm .....)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương..... ngày.... tháng ..... năm  
.....;

Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và  
khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của  
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định ... (trích Thông tư quy định về  
biểu mẫu.....);

Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ..... của  
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về ... (trích Thông tư quy định  
về phân cấp trữ lượng và tài nguyên ...);

Căn cứ Quyết định số .... ngày .... tháng... năm .... của Ủy ban nhân dân  
tỉnh (thành phố) ... ban hành quy chế của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản.

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ..... ngày ... tháng ... năm ...  
của ..... (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho .....(tên tổ chức, cá  
nhân).....;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn tỉnh (thành phố)..... tại phiên họp  
ngày.... tháng..... năm..... và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Xét hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung của .....(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày .....tháng ..... năm ..... nộp tại .....; Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung theo “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản .... tại khu vực ..... (tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....”, với các nội dung chính sau đây:

1. Diện tích khu vực công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung là .....ha (Bằng chữ.....), có tọa độ xác định tại Phụ lục I và Bình đồ phân khối trữ lượng (Bình đồ phân bố thân quặng) kèm theo Quyết định này.

2. Công nhận trữ lượng khoáng sản.....(tên khoáng sản)..... đã tính trong báo cáo, bao gồm:

Cấp 121: ..... tấn (hoặc m<sup>3</sup>).

Cấp 122: ..... tấn (hoặc m<sup>3</sup>).

3. Tài nguyên cấp 333:..... tấn (hoặc m<sup>3</sup>).

4. Các khoáng sản đi kèm (nếu có):

Trữ lượng cấp 121: ..... tấn (hoặc m<sup>3</sup>).

Trữ lượng cấp 122: ..... tấn (hoặc m<sup>3</sup>).

5. Mức sâu thấp nhất các khối trữ lượng; thống kê chi tiết trữ lượng khoáng sản theo khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, .....(tên tổ chức, cá nhân)....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở NN&MT tỉnh.....;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Hội đồng ĐGTLKSQG;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị PDDL;
- Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất;
- Lưu VT, lưu trữ.....

#### **CHỦ TỊCH**

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

Phụ lục I

**TỌA ĐỘ KHU VỰC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ  
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN/THĂM DÒ BỔ SUNG**

**khoáng sản .....(tên khoáng sản).... tại .....(tên cấp xã).....,  
.....(tên cấp tỉnh).....**

*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ- UBND ngày ... tháng ... năm.....  
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN2000	
	Kinh tuyến trực ..., múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X(m)	Y(m)
Diện tích: ... ha		

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

Phụ lục II

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN**

**khoáng sản .....(tên khoáng sản).... tại .....(tên cấp xã).....,  
.....(tên cấp tỉnh).....**

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm.....  
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

<b>STT</b>	<b>Khối trữ lượng</b>	<b>Mức sâu thấp nhất (m)</b>	<b>Trữ lượng (tấn/m<sup>3</sup>/...)</b>	<b>Ghi chú (nếu có)</b>
1	1-121			
2	2-121			
...	...			
<b>Tổng 121</b>				
	1-122			
	2-122			
	.....			
<b>Tổng 122</b>				
<b>121+122</b>				

**Mẫu số 26 - Phụ lục III**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Địa danh, ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận kết quả thăm dò nước nóng thiên nhiên/  
nước khoáng thiên nhiên tại lỗ khoan .....(tên lỗ khoan).....  
tại khu vực ....., .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....  
(Trừ lượng tính đến tháng .... năm .....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và  
khoáng sản;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương..... ngày.... tháng ..... năm  
.....;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của  
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định ...(trích Thông tư quy định  
biểu mẫu ...);*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ..... của  
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định ...(trích Thông tư quy định về  
phân cấp trữ lượng và tài nguyên ...);*

*Căn cứ Quyết định số .... ngày .... tháng... năm .... của Ủy ban nhân dân  
tỉnh (thành phố) ban hành quy chế của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản.*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ..... ngày ... tháng ... năm ...  
của ..... (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho .....(tên tổ chức, cá  
nhân).....;*

*Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản tỉnh (thành  
phố)..... tại phiên họp ngày.... tháng..... năm..... và phiếu đánh giá của các Ủy  
viên Hội đồng;*

Xét hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung của .....(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày .....tháng ..... năm ..... nộp tại .....

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung nước nóng thiên nhiên/ nước khoáng thiên nhiên tại lỗ khoan .....(tên lỗ khoan)..... theo “Báo cáo kết quả thăm dò nước nóng thiên nhiên/ nước khoáng thiên nhiên ..... tại khu vực ....., .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....”, với các nội dung chính sau đây:

1. Tọa độ lỗ khoan .....(tên lỗ khoan)..... được xác định theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực ... , múi chiếu 3<sup>0</sup>:

X(m)..... Y(m)..... và bản đồ ..... kèm theo Quyết định này.

2. Trữ lượng nước nóng thiên nhiên/ nước khoáng thiên nhiên tại lỗ khoan .....(tên lỗ khoan)..... như sau:

Cấp B: .....m<sup>3</sup>/ngày.

Cấp C<sub>1</sub>: .....m<sup>3</sup>/ngày

3. Nguồn nước tại lỗ khoan .....(tên lỗ khoan)..... là nước khoáng thiên nhiên khoáng hóa ....., tổng khoáng hóa..... mg/l, nhiệt độ .....°C.

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ, thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất. Quá trình khai thác và sử dụng nước nóng thiên nhiên/ nước khoáng thiên nhiên phải tiến hành lấy mẫu định kỳ, quan trắc theo yêu cầu chuyên môn, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, .....(tên tổ chức, cá nhân)....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở NN&MT tỉnh....;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Hội đồng ĐGTLKSQG;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị PDDL;
- Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất;
- Lưu VT, lưu trữ.....

**CHỦ TỊCH**

## **20. Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản**

### **20.1. Trình tự thực hiện**

**20.1.1. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận**

#### **a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)**

Tổ chức, cá nhân đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm I, II và III đối với khu vực khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).
- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

#### **b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.
- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

#### **c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ**

*\* Trong thời hạn không quá 40 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành các hoạt động sau đây:*

- Kiểm tra hồ sơ đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan chuyên môn và cơ quan khác có liên quan về kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan thẩm định hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;
- Tổ chức kiểm tra thực địa, nghiệm thu kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng

sản (có thể tiến hành đồng thời với việc lấy ý kiến cơ quan chuyên môn và cơ quan khác có liên quan). Trường hợp không có khối lượng ngoài thực địa thì không tổ chức kiểm tra;

- Hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

*\* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

- Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 12 ngày làm việc.

#### ***d) Bước 4. Xem xét, quyết định***

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, trường hợp không đồng ý ban hành quyết định thì phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### ***đ) Bước 5. Trả kết quả***

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

***20.1.2. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản***

#### ***a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)***

Tổ chức, cá nhân đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bị chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

***b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ***

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

***c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định***

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản trong thời hạn không quá 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, tài liệu khẳng định việc chấm dứt hiệu lực của giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 và khoản 2 Điều 71 của Luật Địa chất và khoáng sản.

***d) Bước 4. Trả kết quả***

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

**20.1.3. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV**

**a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)**

Tổ chức, cá nhân đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

**b) Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ**

Sau khi nhận được văn bản báo cáo hoàn thành việc đóng cửa mỏ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nhóm IV, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra thực địa và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

Trường hợp việc đóng cửa mỏ khoáng sản chưa đáp ứng yêu cầu theo phương án khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nhóm IV thực hiện các giải pháp công trình, bảo đảm các yêu cầu về đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định tại Điều 81 của Luật Địa chất và khoáng sản.

**c) Bước 3. Xem xét, quyết định**

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, trường hợp không đồng ý ban hành quyết định thì phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**d) Bước 4. Trả kết quả**

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

**20.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

**20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

***\* Trường hợp đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận; thành phần hồ sơ bao gồm:***

***a) Thành phần hồ sơ:***

- Bản chính văn bản đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ hồ sơ hoàn công và các văn bản chứng minh đã thực hiện khối lượng theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận;

- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ văn bản thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp khai thác khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm.

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**\* Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

Văn bản, tài liệu khẳng định việc chấm dứt hiệu lực của giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 và khoản 2 Điều 71 của Luật Địa chất và khoáng sản.

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**\* Trường hợp đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính văn bản đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính báo cáo kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

#### **20.4. Thời hạn giải quyết**

**20.4.1. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận**

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;
- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 12 ngày làm việc);
- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt;
- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

**20.4.2. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản**

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;
- Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định;
- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

**20.4.3. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV**

- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: Không quy định.
- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt;
- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

**20.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**20.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**20.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**

Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

(Mẫu số 18 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

**20.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**20.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

**20.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**

Tổ chức, cá nhân phải hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận theo quy định của pháp luật.

**20.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.
- Thông tư số 04/2016/TT-BKHHCN ngày 04/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây) quy định về thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ.

**Mẫu số 04 - Phụ lục**

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh..., ngày ..... tháng ..... năm .....

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN  
(ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH  
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

Kính gửi: .....(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đóng cửa mỏ).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại: .....

Điện thoại: ....., Fax: .....

Người đại diện pháp luật: ....., Chức vụ: .....

Thực hiện Quyết định số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)..... về việc phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (Tên Đề án (Phương án)).....;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản do Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) ..... lập ngày .... tháng .... năm .....

Đề nghị được đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khai thác) ..... (tên loại khoáng sản)..... tại khu vực.....thuộc.....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....(theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ..... (Tên cơ quan cấp giấy phép) .....).

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản: ..... ha/km<sup>2</sup>.

(Đối với trường hợp đề nghị đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):

- Diện tích đề nghị đóng cửa: ..... ha/km<sup>2</sup>;

- Diện tích đề nghị tiếp tục khai thác: ..... ha/km<sup>2</sup>.

Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản: .....

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa và khu vực tiếp tục khai thác có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân**

Chức danh

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

**Mẫu số 19 - Phụ lục**

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**Phụ lục II**

**TÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM  
QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH  
ĐÓNG CỬA MỎ**  
**Tọa độ các điểm khép góc**

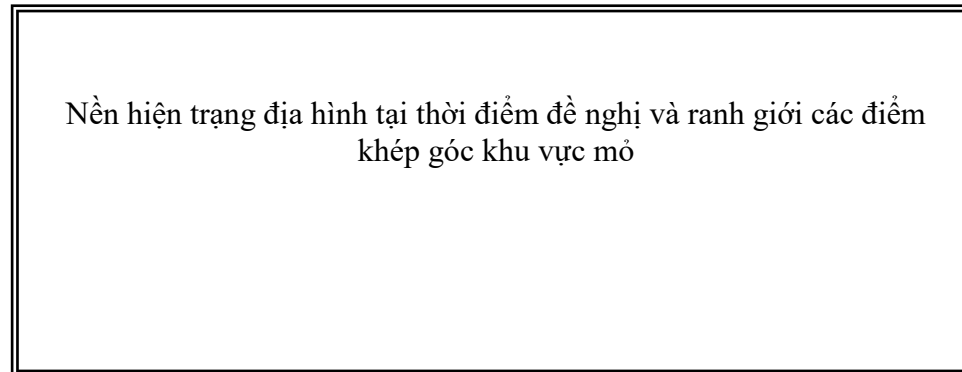
STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ....., múi chiều .....,)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....	.....		
<b>Tổng diện tích: ..... ha/km<sup>2</sup></b>			

**BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số ..... ngày .... tháng .... năm .... của .... Tên cơ  
quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ...)  
.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực .....,  
.....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....

**CHỈ DẪN**

.....  
.....  
.....



Khung và  
lưới tọa độ

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình  
(hoặc thành lập trên nền bản đồ địa  
hình quốc gia, hoặc đo vẽ từ hiện  
trạng) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi  
chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Thước tỷ lệ

**Tổ chức, cá nhân  
lập bản đồ (đối với tổ chức phải có chức  
năng thành lập theo quy định)**  
(Ký, đóng dấu)

**Tổ chức, cá nhân**  
(Ký, đóng dấu)

**Mẫu số 09 - Phụ lục**

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN  
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Số: ...../.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
ĐỀ ÁN (PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: .....(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....

Người đại diện pháp luật: .....

Trụ sở tại: .....

Điện thoại: ....., Fax: .....

Thực hiện Quyết định số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)..... về việc phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản.....(Tên Đề án (Phương án)).....;

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản như sau:

**1. Nội dung chính của Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản**

- Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:.....;
- Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:.....;
- Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: .....ha/km<sup>2</sup>.

**2. Kết quả thực hiện**

a) Kết quả hoạt động khai thác:

- Sản lượng thực tế đã khai thác: Khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm (tách riêng từng loại khoáng sản).

- Khối lượng đất, đá thải mỏ.

- Trữ lượng tài, nguyên còn lại.

b) Các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

.....  
.....

c) Hạng mục, khối lượng và phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....  
.....

d) Công tác giám sát và bảo vệ môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....  
 .....

đ) Các giải pháp đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....  
 .....

e) Công tác sử dụng đất đai:

.....  
 .....

### **3. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị**

Đánh giá chung về tình hình thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản so với Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Lý do hoàn thành (hoặc không hoàn thành) các nội dung của Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Các đề xuất, kiến nghị liên quan.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục, khối lượng theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
*(Chức danh)*

*Chữ ký, đóng dấu*  
**(Họ và tên)**

**Mẫu số 18 - Phụ lục**

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) .....****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-UBND

Địa danh....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đóng cửa mỏ khoáng sản  
(đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... được khai thác .....(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Quyết định (Thông báo) số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt (chấp thuận) đề án (phương án))..... về việc phê duyệt (chấp thuận) Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản .....(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....);

Căn cứ Báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....; Biên bản kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản ngày ..... tháng ..... năm .....

Căn cứ Văn bản số ..... của ..... về việc tham gia ý kiến đối với kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... nộp tại .....(Tên cơ quan thẩm định hồ sơ)..... ngày ..... tháng ..... năm .....; bổ sung ngày ..... tháng ..... năm .....

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) .....(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....  
 .....  
 .....

2. Diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản: ..... ha/km<sup>2</sup>, thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu ..... hệ VN 2000 kinh tuyến trực ....., múi chiếu ....., được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I và Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ tại Phụ lục II<sup>89</sup> kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được .....(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền đóng cửa mỏ)..... phê duyệt (chấp thuận) tại Quyết định (Thông báo) số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

1. Kết quả thực hiện khối lượng các hạng mục công trình theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được nghiệm thu nêu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

2. Trên cơ sở hạng mục, khối lượng công tác đóng cửa mỏ và cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện nêu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này, .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... thực hiện thủ tục liên quan đối với số tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

**Điều 3.** .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Báo cáo với các cơ quan chức năng có liên quan để thực hiện thủ tục bàn giao đối với khu vực có diện tích nêu tại Điều 1 của Quyết định này để địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Tiếp tục thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo thời hạn trong Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

**Điều 4.** Ủy ban nhân dân xã (phường)..... có trách nhiệm:

Tiếp nhận, quản lý, sử dụng đất khu vực đóng cửa mỏ, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trong khu vực theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... có trách nhiệm:

<sup>89</sup> Phụ lục II. Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 của Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT và mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Phối hợp với Quỹ bảo vệ môi trường ..... trong việc hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cho ..... (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... theo quy định của pháp luật.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)....., Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Quỹ bảo vệ môi trường ....., ..... (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 6;
- Bộ NN&MT;
- Sở NN&MT;
- .....
- Lưu: VT, HS,....

**CHỦ TỊCH**

*Chữ ký, đóng dấu  
(Họ và tên)*

**Phụ lục I****TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN (ĐÓNG CỬA  
MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm .....  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ....., múi chiếu .....)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
<b>Tổng diện tích: ..... ha/km<sup>2</sup></b>			

**Phụ lục III****BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THEO ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN (ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm .....  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		Tỷ lệ đạt (%)	Ghi chú
			Theo Đề án được phê duyệt	Đã thực hiện (Tại thời điểm nghiệm thu)		
1						
2						
...						

## **26. Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản**

### **26.1. Trình tự thực hiện**

*26.1.1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm*

#### **a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)**

Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

#### **b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

#### **c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ**

*\* Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:*

- Kiểm tra nội dung hồ sơ;

- Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;

- Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

- Tiến hành kiểm tra thực địa;
- Tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

*\* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

- Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung: Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc.

*\* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.*

#### ***d) Bước 4: Xem xét, quyết định***

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải nêu rõ lý do.

#### ***đ) Bước 5: Trả kết quả***

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả.

***26.1.2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay đổi tên tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản***

#### ***a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)***

Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trục tuyến thông qua Công Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

**b) Bước 2. Thẩm định, xem xét, quyết định và trả kết quả**

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

**c) Bước 3. Trả kết quả**

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

**26.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

**26.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

*\* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thay đổi tên gọi:*

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản, các bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tận thu khoáng sản, bản vẽ mặt cắt hiện trạng có liên quan (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

*\* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm:*

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản, các bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tận thu khoáng sản, bản vẽ mặt cắt hiện trạng có liên quan (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư

số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ kế hoạch khai thác tận thu điều chỉnh kèm theo quyết định phê duyệt;

- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

*\* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị trả lại một phần diện tích khai thác:*

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản, các bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tận thu khoáng sản, bản vẽ mặt cắt hiện trạng có liên quan (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ kế hoạch khai thác tận thu điều chỉnh kèm theo quyết định phê duyệt;

- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ phương án đóng cửa mỏ một phần diện tích khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

**2) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

#### **26.4. Thời hạn giải quyết**

*\* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm:*

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc);

- Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

*\* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thay đổi tên tổ chức, cá nhân:*

- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định và ra quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

**26.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**26.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**26.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 28 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

**26.7. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**26.8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

**26.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**

Tổ chức, cá nhân được xem xét điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có); trừ trường hợp quy định tại khoản 1a Điều 57 của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Được cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công chấp thuận bằng văn bản đối với nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công

trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Trường hợp điều chỉnh giảm công suất và kéo dài thời gian khai thác so với thời gian quy định trong giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp, thời hạn khai thác sau khi điều chỉnh (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản, thời gian khai thác trước đó) không vượt quá thời hạn khai thác quy định tại điểm a khoản 2 Điều 68 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: thời hạn khai thác tận thu khoáng sản bao gồm thời gian xây dựng cơ bản mở và thời gian khai thác tận thu khoáng sản được xác định theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản nhưng không quá 10 năm và có thể được gia hạn nhiều lần theo đề nghị của tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác tận thu khoáng sản với tổng thời gian gia hạn không quá 05 năm).

#### **26.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

**Mẫu số 09 - Phụ lục II**

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG**  
**GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: ..... (Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép).....

..... (Tên tổ chức, cá nhân) .....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Được .....(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy  
phép)..... cho phép khai thác tận thu ..... (tên khoáng sản<sup>90</sup>) ..... tại bãi thải  
..... của khu vực ..... (tên mỏ) ..... thuộc ..... (tên cấp xã) ....., ..... (tên  
cấp tỉnh) ..... theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ..... ngày .....  
tháng ..... năm .....

1. Đề nghị được điều chỉnh nội dung của Giấy phép khai thác tận thu khoáng  
sản nêu trên như sau:

- ..... (nội dung theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã cấp) .....
- ..... (nội dung đề nghị điều chỉnh) .....

2. Diện tích khu vực khoáng sản đề nghị trả lại, tiếp tục khai thác<sup>91</sup>:

- Diện tích khu vực khai thác: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>).
- Diện tích đề nghị trả lại: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>).
- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>).

(Diện tích đề nghị trả lại và không gian khu vực đề nghị được tiếp tục khai  
thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo).

3. Lý do đề nghị điều chỉnh: .....

\* Đề nghị thực hiện kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản với  
nội dung như sau<sup>92</sup>:

<sup>90</sup> Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

<sup>91</sup> Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

<sup>92</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Thời gian đề nghị gia hạn: .....

- Lý do gia hạn: .....

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) ..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân**

(*Ký tên, đóng dấu*)

**TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN .....**

**PHỤ LỤC**

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI,  
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN<sup>93</sup>**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác tận thu khoáng sản  
ngày ..... tháng ..... năm .....)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
<b>I. Khu vực đề nghị trả lại</b>		
1		
2		
...		
n		
<b>II. Khu vực tiếp tục khai thác tận thu khoáng sản</b>		
1		
2		
...		
m		
<b>Diện tích: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>)</b>		
<b>Mức sâu khai thác cao nhất ... (m)</b>		
<b>Mức sâu khai thác thấp nhất ... (m)</b>		

<sup>93</sup> Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

**Mẫu số 35 - Phụ lục II**

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP**

..... (**TÊN BẢN ĐỒ**) .....  
 ..... (tên khoáng sản) ..... tại khu vực ..... (tên mỏ) ..... thuộc  
 ..... (tên cấp xã) ....., ..... (tên cấp tỉnh) .....

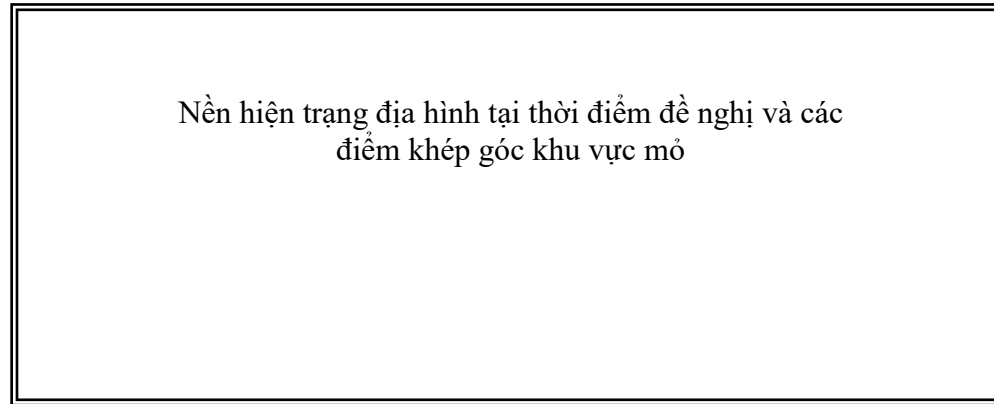
Phụ lục ... (số la mã)

**Tọa độ các điểm khớp góc**

Điểm góc	Hệ VN - 2000, kinh tuyến trực ... múi chiếu ...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m <sup>2</sup> , km <sup>2</sup> )		

Đối với trường hợp điều chỉnh, chuyển nhượng có thay đổi diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ khu vực tiếp tục khai thác, khu vực trả lại để phù hợp Phụ lục I.

Đối với trường hợp diện tích không khai thác nằm trong diện tích khu vực khai thác cần lập bảng tọa độ kèm theo



CHỈ DẪN

.....  
 .....  
 .....

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia, hoặc đo vẽ từ hiện trạng) tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiếu..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....  
 Thước tỷ lệ

**Tổ chức, cá nhân lập bản đồ (đối với tổ chức phải có chức năng thành lập theo quy định)**  
 (Ký, đóng dấu (với tổ chức có con dấu))

**Tổ chức, cá nhân<sup>94</sup>**  
 (Ký, đóng dấu)

Khung và lưới tọa độ

<sup>94</sup> Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, điều chỉnh (trường hợp làm thay đổi diện tích khu vực khai thác) giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trong trường hợp lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

**Mẫu số 36 - Phụ lục II**

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP  
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm ....

**BÁO CÁO****Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: ..... (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

**I. Phần chung**

1. Tổ chức, cá nhân: .....

2. Loại hình doanh nghiệp: .....

3. Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....

- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ..... ngày .... tháng....năm ..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác: .....

- Cơ quan cấp phép .....

- Vị trí mỏ: ..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....

- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);

- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>);

- Mức sâu khai thác: từ mức ..... m đến mức ..... m.

- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: .....

- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m<sup>3</sup>/năm, m<sup>3</sup>/ngày, đê);

- Thời hạn khai thác: ..... (tháng, năm).

**II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản****II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

**tháng.... năm....<sup>95</sup>:**

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt ..... (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có): .....(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có): .....(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: ..... (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế: .....(tấn, m<sup>3</sup>).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m<sup>3</sup>).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: ..... (VND/tấn, m<sup>3</sup>).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: ..... (tấn, m<sup>3</sup>).
9. Tổng doanh thu: .....(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: ..... (VND). Trong đó:
  - Thuế tài nguyên: .....(VND);
  - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
  - Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
  - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: ..... (VND);
  - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... (VND);
  - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
  - Khác (nếu có): .....
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm .....
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác .....

## **II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản<sup>96</sup>**

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng

<sup>95</sup> Thời điểm báo cáo

<sup>96</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

### **II.3. Đánh giá**

#### *a) Đánh giá chung:*

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....  
 .....

#### *b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:*

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....  
 .....

#### *c) Đánh giá khác (nếu có)*

.....  
 .....

### **III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo<sup>97</sup>**

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức .....m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....  
 .....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m<sup>3</sup>/năm, m<sup>3</sup>/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

**Tổ chức, cá nhân**

*(Ký tên, đóng dấu)*

<sup>97</sup> Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

**Mẫu số 08 - Phụ lục**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**Tờ bìa**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
*(tên khoáng sản)..... tại khu vực ..... thuộc (tên cấp xã)....., .....(tên cấp  
tỉnh).....*

**Địa danh....., tháng .... năm ....**

**Tờ phụ bìa**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
*(tên khoáng sản)..... tại khu vực ..... thuộc (tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN  
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

**(Chức danh)**

*Chữ ký, đóng dấu*

*(Họ và tên)*

**ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN  
(nếu có)**

**(Chức danh)**

*Chữ ký, đóng dấu*

*(Họ và tên)*

**Địa danh....., tháng ..... năm .....**

## MỤC LỤC

### DANH MỤC BẢNG BIỂU

### DANH MỤC HÌNH VẼ

### DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

## PHẦN THUYẾT MINH MỞ ĐẦU

### **1. Thông tin chung**

1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

### **2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản**

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

### **2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản**

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án .....; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản

cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ..... quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

## **CHƯƠNG I**

### **HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

#### **1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản**

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

##### ***1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)***

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

##### ***1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế***

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ

(nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

## **2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản**

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

## **3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản**

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

# **CHƯƠNG III PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

## **1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản**

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau*

*khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.*

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

## **2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản**

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

## **3. Tiến độ thực hiện**

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

## **CHƯƠNG IV DỰ TOÁN KINH PHÍ**

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

## **CHƯƠNG V TỔ CHỨC THI CÔNG**

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

## **KẾT LUẬN**

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

## PHẦN PHỤ LỤC

### 1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

### 2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);

- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

**Mẫu số 28 - Phụ lục II**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) .....**

Số:...../QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) .....**

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ...../...../TT-BNNMT ngày ..... tháng ..... năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....*;

*Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác tận thu khoáng sản ngày ..... tháng ..... năm ..... của ..... (tên tổ chức, cá nhân) .....*;

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh ..... (nội dung, điều, khoản, .....). ..... quy định trong Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ..... (Tên cơ quan cấp giấy phép) ..... cấp cho ..... (tên tổ chức, cá nhân) ..... khai thác ..... (tên khoáng sản) ..... tại bãi thải ..... của khu vực (mỏ) ..... thuộc ..... (tên cấp xã) ....., ..... (tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. .... (nội dung theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp) .....

2. .... (nội dung điều chỉnh)<sup>98</sup> .....
3. Không gian khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác<sup>99</sup>:
- a) Diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại: .... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>).
- b) Diện tích khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản: .... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>).
- c) Mức sâu khai thác tại khu vực tiếp tục khai thác: Từ .... (m) đến .... (m).
- d) Thời hạn tiếp tục khai thác: .....<sup>100</sup>

Diện tích khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II<sup>101</sup> kèm theo giấy phép này.

**Điều 2<sup>102</sup>.** Chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:.....
2. Diện tích thực hiện: .....
3. Khối lượng thực hiện: .....
4. Thời gian thực hiện: .....
5. Đơn vị thực hiện: .....

**Điều 3<sup>103</sup>.** .... (Tên tổ chức, cá nhân) ..... có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có);
2. Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số .....

3. Chấm dứt hoạt động khai thác tận thu khoáng sản tại phần diện tích trả lại; thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan đối với phần diện tích trả lại theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

4. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản đối với phần diện tích trả lại sau khi được nghiệm thu theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số .....

<sup>98</sup> Không áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. Nội dung điều chỉnh có thể kết hợp gia hạn trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đồng thời thủ tục gia hạn, điều chỉnh.

<sup>99</sup> Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

<sup>100</sup> Áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đồng thời thủ tục gia hạn, điều chỉnh.

<sup>101</sup> Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

<sup>102</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khi điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

<sup>103</sup> Khoản 3 và khoản 4 Điều này chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ..... (*tổ chức, cá nhân*) ..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- ....(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- .....
- Lưu VT, ..... (.....)

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TRẢ LẠI,  
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm ..... của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....*)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
<b>Diện tích: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>)</b>		
<b>Mức sâu khai thác cao nhất ..... (m)</b>		
<b>Mức sâu khai thác thấp nhất ..... (m)</b>		

**“26.4. Thời hạn giải quyết**

...

*\* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thay đổi tên tổ chức, cá nhân:*

- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định và ra quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.”

## **29. Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản**

### **29.1. Trình tự thực hiện**

**29.1.1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản**

#### **a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)**

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 97 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

#### **b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ**

Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do.

#### **c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ**

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra toạ độ, diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản và kiểm tra tại thực địa.

- Trong thời hạn không quá 21 ngày làm việc, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi. Trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm I trong diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản (nằm ngoài diện tích khu vực khai thác) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đối với trường hợp thu hồi khoáng sản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản, cơ quan thẩm định hồ sơ lấy ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành khu vực thực hiện nạo

vết về dự án, kế hoạch nạo vét. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản.

*\* Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện. Thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.*

***d) Bước 4: Xem xét, quyết định***

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản. Trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***đ) Bước 5: Trả kết quả***

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp quản lý, giám sát thực hiện.

***29.1.2. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản***

***a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)***

Chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV dôi dư trong quá trình thi công, thực hiện đề án, công trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên (bãi thải, bãi chứa quy định tại khoản 7 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d

và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

***b) Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định***

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức xem xét, kiểm tra thực địa và quyết định việc cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***c) Bước 3: Trả kết quả***

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

***29.1.3. Thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Tổ chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt buộc phải khai đào, bóc xúc mới thì công được công trình khai thác mở; (2) Tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15***

***a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)***

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Công Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

***b) Bước 2: Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ***

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị sử dụng khoáng sản của tổ chức, cá nhân, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức xem xét, kiểm tra thực địa (trong trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản.

***c) Bước 3: Xem xét, quyết định***

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***d) Bước 4: Trả kết quả***

Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

**29.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

**29.3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*\* Đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 và điểm c khoản 1 Điều 70 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: Thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản khi tiến hành xây dựng cơ bản mỏ hoặc các hoạt động khác phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ):*

- Bản chính văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính báo cáo vị trí, khối lượng, chủng loại, thời gian thực hiện (Mẫu số 04 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT

ngày 02/7/2025);

- Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực thu hồi khoáng sản, trong đó xác định rõ vị trí, khối lượng khoáng sản thu hồi của từng vị trí;

- Bản chính báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế do chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công lập đối với trường hợp chưa có thông tin, dữ liệu về khoáng sản (thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ).

*\* Đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: (1) Chủ đầu tư, nhà đầu tư kết hợp thu hồi khoáng sản ở khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư được quyết định, phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật, kể cả khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư không có nhu cầu thu hồi khoáng sản thì giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản được cấp cho nhà thầu thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư trên cơ sở chấp thuận của chủ đầu tư, nhà đầu tư; (2) Chủ đầu tư, nhà đầu tư thực hiện hoạt động nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm là khoáng sản trong vùng nước cảng biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, vùng nước đường thủy nội địa, lòng sông, lòng hồ hoặc tại các vùng nước, đất ngập nước khác theo dự án, kế hoạch được quyết định, phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư không có nhu cầu thu hồi khoáng sản thì giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản được cấp cho nhà thầu thi công hoạt động nạo vét trên cơ sở chấp thuận của chủ đầu tư, nhà đầu tư):*

- Bản chính bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế do chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công lập đối với trường hợp chưa có thông tin, dữ liệu về khoáng sản (thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ).

- Bản sao hợp lệ báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư (kèm theo quyết định phê duyệt) triển khai tại khu vực đăng ký thu hồi khoáng sản;

- Văn bản giới thiệu nhà thầu thi công của chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư dự án.

*\* Đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: Tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản được phép thu hồi khoáng sản):*

- Bản chính bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính đề án đóng cửa mỏ hoặc phương án đóng cửa mỏ kèm theo quyết định phê duyệt hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền đối với trường hợp khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III (các Mẫu số 05, 06, 07, 08, 11, 12, 13 và 14 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính phương án cải tạo, phục hồi môi trường được thể hiện trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Bản chính phương án khai thác khoáng sản đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản (Mẫu số 37 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

*\* Đối với chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản:*

Bản chính văn bản đề nghị sử dụng khoáng sản (Mẫu số 03a - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026); nội dung văn bản phải thể hiện các thông tin gồm: Loại khoáng sản; khối lượng khoáng sản đề nghị được sử dụng; mục đích sử dụng; tiến độ, thời gian thực hiện hoạt động sử dụng khoáng sản.

*\* Trường hợp tổ chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt buộc phải khai đào, bóc xúc mới thi công được công trình khai thác mỏ*

Bản chính bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi,

bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026); nội dung văn bản phải thể hiện các nội dung chính sau: Khối lượng, loại khoáng sản đã được khai đào, bốc xúc tại khối tài nguyên; các bản vẽ có liên quan; mục đích sử dụng; tiến độ, thời gian thực hiện hoạt động khai đào, bốc xúc khoáng sản tại khối tài nguyên.

*\* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15:*

Bản chính bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026); nội dung văn bản phải thể hiện các nội dung chính sau: Khối lượng, loại khoáng sản đã được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa; mục đích sử dụng; tiến độ, thời gian sử dụng.

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

#### **29.4. Thời hạn giải quyết**

*\* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản*

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;
- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định);
- Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;
- Thời hạn trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

*\* Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản*

- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công;

- Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

*\* Thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Tổ chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt buộc phải khai đào, bóc xúc mới thi công được công trình khai thác mỏ; (2) Tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15:*

- Thời hạn tiếp nhận và thẩm định hồ sơ: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân;

- Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

**29.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**29.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**29.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 05 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

**29.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**29.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Văn bản đề nghị sử dụng khoáng sản (Mẫu số 03a - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

### **29.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản thì chỉ được phép thu hồi khoáng sản khi bắt buộc phải san gạt, đào đắp bề mặt địa hình tạo mặt bằng xây dựng, nạo vét để thực hiện theo đúng thiết kế của dự án; đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận;

- Trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm I quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư phải đánh giá hiệu quả kinh tế khi thu hồi khoáng sản và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xem xét, quyết định.

- Trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm II, nhóm III hoặc nhóm IV quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản được thực hiện như sau: Được sử dụng khoáng sản để phục vụ cho xây dựng công trình hoặc các hạng mục công trình của dự án, đề án, phương án đó; Được cung cấp cho công trình, dự án khác.

- Thực hiện đánh giá hiệu quả kinh tế đối với hoạt động thu hồi hoặc không thu hồi khoáng sản trong khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư trong trường hợp chưa có thông tin, dữ liệu về khoáng sản.

- Trường hợp thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản được áp dụng đối với các trường hợp sau:

+ Khoáng sản được thu hồi là đất, đá thải mỏ, quặng đuôi của mỏ đang hoạt động đã được lưu trữ, bảo quản tại bãi chứa, bãi thải mỏ, hồ chứa quặng đuôi;

+ Khoáng sản nằm trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản, được phát hiện trong quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án nhưng nằm ngoài phạm vi diện tích khu vực được phép khai thác khoáng sản.

- Trường hợp chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư kết hợp thu hồi khoáng sản ở khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư khai thác khoáng sản chồng lấn lên diện tích khu vực đã được công nhận kết quả thăm dò khoáng sản được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau:

+ Phần khoáng sản trong diện tích chồng lấn không đủ điều kiện để huy động vào thiết kế khai thác;

+ Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản trong trường

hợp pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư có yêu cầu và cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng chấp thuận bằng văn bản;

+ Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản cam kết thu hồi tối đa khoáng sản trước khi tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của dự án đó và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với phần khoáng sản thu hồi được thuộc phạm vi diện tích thực hiện dự án.

### **29.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

**Mẫu số 01 - Phụ lục III**

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Văn bản đề nghị (Bản đăng ký<sup>104</sup>) thu hồi khoáng sản**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

..... (Tên tổ chức, cá nhân) .....

Trụ sở tại: .....

Điện thoại: ....., Fax .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng  
..... năm ..... do ..... (tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh  
nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số ..... ngày ..... tháng ..... năm  
..... do ..... (tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư)  
..... cấp.

Được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ..... số ..... ngày ..... tháng  
..... năm ..... của ..... (tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy  
phép khai thác khoáng sản) ..... để khai thác khoáng sản ..... (tên khoáng sản)  
..... tại ..... thuộc ..... (tên cấp xã) ....., ..... (tên cấp tỉnh)..... theo Dự án  
đầu tư ..... (tên dự án) .....

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản ....(tên loại khoáng sản đề nghị thu  
hồi) ..... trong quá trình thực hiện Dự án đầu tư khai thác khoáng sản ..... (tên  
dự án)

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>), thuộc  
phạm vi ranh giới của Dự án đầu tư khai thác khoáng sản ....(tên dự án) .....,  
toạ độ, diện tích khu vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi: ..... (tấn, m<sup>3</sup>,...)

Mục đích sử dụng khoáng sản: .....

Thời gian thu hồi: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

(Các bản vẽ có liên quan gửi kèm theo)

..... (Tên tổ chức, cá nhân) .....cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác  
khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về  
khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)

<sup>104</sup> Áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản và điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN .....**

**PHỤ LỤC**

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ  
THU HỒI KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản số ....  
ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
<b>Diện tích: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>)</b>		

**Mẫu số 02 - Phụ lục III**

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN .....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa danh....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

**Bản đăng ký thu hồi khoáng sản**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) .....

Trụ sở tại: .....

Điện thoại: ....., Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ..... ngày ..... tháng ..... năm  
..... do ..... (*tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*) .....  
cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... do .....  
(*tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư*) ..... cấp;  
hoặc Căn cước công dân số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... cấp tại .....

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản ..... (*tên khoáng sản*) ..... trong quá  
trình thực hiện Dự án ..... (*Tên dự án đầu tư*) .....

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>), tọa độ,  
diện tích khu vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi: ..... (tấn, m<sup>3</sup>, .....)

Thời gian thu hồi: Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... đến ngày ..... tháng  
..... năm .....

(*Có Báo cáo vị trí, khối lượng, chủng loại, thời gian thực hiện thu hồi khoáng  
sản kèm theo*)

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) ..... cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác  
khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về  
khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN .....**

**PHỤ LỤC**

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐĂNG KÝ THU HỒI KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Bản đăng ký thu hồi khoáng sản ngày ..... tháng ..... năm  
..... của .....*)

<b>Điểm góc</b>	<b>Hệ tọa độ VN-2000</b> (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	<b>X (m)</b>	<b>Y (m)</b>
1		
2		
...		
n		
<b>Diện tích: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>)</b>		
<b>Mức sâu thu hồi thấp nhất: ..... (m)</b>		

**Mẫu số 05 - Phụ lục**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực ..... thuộc .....(tên cấp xã).....,  
.....(tên cấp tỉnh).....*

**Địa danh ....., tháng .... năm .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
*(tên khoáng sản)..... tại khu vực ..... thuộc ..... (tên cấp xã) .....,*  
*..... (tên cấp tỉnh) .....*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN  
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

**(Chức danh)**

*Chữ ký, đóng dấu*

*(Họ và tên)*

**ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN  
 (nếu có)**

**(Chức danh)**

*Chữ ký, đóng dấu*

*(Họ và tên)*

**Địa danh....., tháng ..... năm .....**

## MỤC LỤC

### DANH MỤC BẢNG BIỂU

### DANH MỤC HÌNH VẼ

### DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

## PHẦN THUYẾT MINH

### MỞ ĐẦU

#### 1. Thông tin chung

- 1.1. Tên đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (dưới đây gọi tắt là đề án).
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án.

#### 2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập đề án

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập đề án.
- 2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến đề án.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đề án.

#### 2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

##### 2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng

khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án .....; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ..... quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

## **2.2. Nhiệm vụ**

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Đề án/dự án/phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản,..... đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các moong khai thác, lò khai thác), các công trình phụ trợ trên bề mặt mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

# **CHƯƠNG I**

## **ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỊCH SỬ KHAI THÁC**

### **1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản**

1.1. Vị trí địa lý: Mô tả vị trí, tọa độ khu vực thực hiện đề án (khai trường, mặt bằng sản công nghiệp, khu phụ trợ, bãi thải), ranh giới tiếp giáp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội: Mô tả đặc điểm địa hình, sông suối, đặc điểm khí hậu, đặc điểm giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, điều kiện kinh

tế - xã hội nơi đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Các đối tượng xung quanh khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (*bao gồm cả phạm vi trên mặt và dưới sâu*).

## **2. Lịch sử khai thác**

Nêu khái quát quá trình khai thác của khu vực khoáng sản theo từng giai đoạn: Giai đoạn trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

**3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra trong khai thác khoáng sản và kết quả khắc phục các tồn tại, vi phạm (nếu có)**

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung kết luận thanh tra, thông báo khắc phục và yêu cầu kiến nghị, xử lý các tồn tại, vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).

## **CHƯƠNG II**

### **HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

#### **1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản**

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

#### **1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ**

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

#### **1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế**

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ khai thác;
- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản

chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu.

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

## **2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản**

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ,...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác,... Cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương

đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

### **3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản**

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

## **CHƯƠNG III**

### **PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

#### **1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản**

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

#### **2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản**

Trên cơ sở phương án thực hiện các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải

tao, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án. Lập bảng thống kê khối lượng theo Phương án (Đề án, Dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, khối lượng đã thực hiện (nếu có) và khối lượng còn phải phải thực hiện (khối lượng đóng cửa mỏ).

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện các hạng mục công trình của đề án.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công các hạng mục công trình của đề án.

### **3. Tiến độ thực hiện**

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

## **CHƯƠNG IV**

### **DỰ TOÁN KINH PHÍ**

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó *(trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá)*, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra *(Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt)*.

## **CHƯƠNG V**

### **TỔ CHỨC THI CÔNG**

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các hạng mục công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công đề án; nguyên, nhiên liệu sử dụng; biện pháp kỹ thuật, an toàn.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác?  
Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

### **KẾT LUẬN**

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

## PHẦN PHỤ LỤC

### 1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ.
5	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng của khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
6	Bình đồ phân khối trữ lượng.
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản.
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu (nếu có).
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
10	Các bản vẽ khác (nếu có).

### 2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);

- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

**Mẫu số 06 - Phụ lục**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**Tờ bìa**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
*(tên khoáng sản)..... tại khu vực ..... thuộc (tên cấp xã).....,*  
*.....(tên cấp tỉnh).....*

**Địa danh....., tháng .... năm ....**

**Tờ phụ bì**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
*(tên khoáng sản)..... tại khu vực ..... thuộc (tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN**  
**ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

**(Chức danh)**

*Chữ ký, đóng dấu*

*(Họ và tên)*

**ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN**  
(nếu có)

**(Chức danh)**

*Chữ ký, đóng dấu*

*(Họ và tên)*

**Địa danh....., tháng ..... năm .....**

## MỤC LỤC

### DANH MỤC BẢNG BIỂU

### DANH MỤC HÌNH VẼ

### DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

### PHẦN THUYẾT MINH

#### MỞ ĐẦU

#### **1. Thông tin chung**

1.1. Tên Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

#### **2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản**

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

#### **3. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản**

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án,...; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố),... quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

## **CHƯƠNG I**

### **HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

#### **1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản**

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

##### ***1.1. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ***

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*vị trí, tọa độ lỗ khoan/giếng khoan, trữ lượng, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác bơm hút, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

##### ***1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế***

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, chế độ khai thác; Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng cấp phép phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Thống kê chi tiết trữ lượng khai thác theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng cấp phép phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã triển khai từ khi bắt đầu khai

thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

## **2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản**

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, đứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn của các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt .

## **3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra tại khu vực mỏ và việc khắc phục, xử lý các tồn tại (nếu có)**

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung thanh tra, kiểm tra và việc thực hiện kiến nghị, khắc phục, xử lý các tồn tại (nếu có).

## **4. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản**

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

# **CHƯƠNG II PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

## **1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản**

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện*

hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan .

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

## **2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản**

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành các hạng mục công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

## **III. Tiến độ thực hiện**

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

## **CHƯƠNG III DỰ TOÁN KINH PHÍ**

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn

giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

#### **CHƯƠNG IV**

#### **TỔ CHỨC THI CÔNG**

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

#### **KẾT LUẬN**

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành các hạng mục công việc của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

## PHẦN PHỤ LỤC

### 1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
5	Các bản vẽ khác (nếu có).

### 2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

**Mẫu số 07 - Phụ lục**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**Tờ bìa**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
*(tên khoáng sản)..... tại khu vực ..... thuộc (tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....*

**Địa danh....., tháng .... năm ....**

**Tờ phụ bì**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
*(tên khoáng sản)..... tại khu vực ..... thuộc (tên cấp xã).....(tên cấp tỉnh).....*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC  
HIỆN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG  
SẢN**

**(Chức danh)**

*Chữ ký, đóng dấu*

*(Họ và tên)*

**ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN**  
(nếu có)

**(Chức danh)**

*Chữ ký, đóng dấu*

*(Họ và tên)*

**Địa danh ....., tháng .... năm ....**

## MỤC LỤC

### DANH MỤC BẢNG BIỂU

### DANH MỤC HÌNH VẼ

### DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

### PHẦN THUYẾT MINH

#### MỞ ĐẦU

#### **1. Thông tin chung**

1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

#### **2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản**

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

#### **3. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản**

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Để thông kê trữ lượng (khối lượng) khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ

lượng (khối lượng) khoáng sản còn lại chưa khai thác.

- Bàn giao diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án .....; bàn giao phần diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ..... quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

## **CHƯƠNG I**

### **HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

#### **1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản**

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

##### ***1.1. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ***

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, cung cấp điện*).

##### ***1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế***

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... Trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,....;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

## **2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản**

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất tại khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, các hạng mục công trình của công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

## **3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản**

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

# **CHƯƠNG II**

## **PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

### **1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản**

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương; đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải

trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

## **2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản**

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ và cải tạo, phục hồi môi trường

## **3. Tiến độ thực hiện**

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

## **CHƯƠNG III DỰ TOÁN KINH PHÍ**

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại*

*thời điểm lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt).*

## **CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THI CÔNG**

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của Phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công Phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

### **KẾT LUẬN**

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

### **PHẦN PHỤ LỤC**

#### **1. Phụ lục các bản vẽ:**

<b>TT</b>	<b>Tên bản vẽ</b>
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ).
4	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải (nếu có).
5	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản được thể hiện trên không gian ba chiều (3D).
6	Các bản vẽ khác (nếu có).

#### **2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:**

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;

- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

**Mẫu số 37 - Phụ lục II**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV)

\*\*\*\*\*

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV**

*(tên mỏ khoáng sản, thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....)*

**Địa danh, năm 20...**

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV)

\*\*\*\*\*

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV**  
*(tên mỏ khoáng sản, thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....)*

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN  
(nếu có)  
(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu*  
*(Họ và tên)*

*Chữ ký, đóng dấu*  
*(Họ và tên)*

**Địa danh, năm 20...**

## THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin tổ chức khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức:.....
- Địa chỉ liên lạc: .....
- Điện thoại: ....., Fax: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: .....

### 2. Cơ sở lập Phương án

#### 2.1. Cơ sở pháp lý

- Văn bản phê duyệt quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng (nếu có).
- Các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư có liên quan.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan.

#### 2.2. Tài liệu cơ sở

- Tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất mỏ, địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có);
- Tài liệu khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV;
- Các tài liệu kỹ thuật khác.

### 3. Nhu cầu sử dụng khoáng sản

Phân tích nhu cầu sử dụng khoáng sản của các dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản sử dụng khoáng sản nhóm IV và được quy định trong giấy phép khai thác do mình là nhà thầu thi công.

#### 4. Sự cần thiết và mục tiêu khai thác

- Sự cần thiết.
- Mục tiêu khai thác.

### 5. Hình thức đầu tư, địa điểm và nhu cầu sử dụng đất

#### 5.1. Hình thức đầu tư và quản lý dự án

- Xác định hình thức đầu tư: Đầu tư mới hay cải tạo, điều chỉnh hoặc mở rộng quy mô, nâng công suất, đổi mới công nghệ.
- Xác định hình thức quản lý dự án.

#### 5.2. Địa điểm mỏ và nhu cầu sử dụng đất

- Mô tả địa điểm mỏ.
- Nhu cầu sử dụng đất: xác định nhu cầu sử dụng đất, tổng diện tích, cơ cấu đất sử dụng, tiến độ sử dụng đất.

## **PHẦN I: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT**

### **I. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT MỎ**

#### **1. Vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội**

Nêu khái quát về vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực dự án.

#### **2. Đặc điểm địa chất mỏ**

Trình bày tóm tắt về đặc điểm địa chất mỏ khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình; bổ sung các kết quả nghiên cứu về đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có).

#### **3. Khối lượng (trữ lượng) và chất lượng khoáng sản**

Tổng hợp về khối lượng (tài nguyên, trữ lượng) và chất lượng của khoáng sản khu vực nghiên cứu lập phương án khai thác.

#### **4. Đánh giá mức độ tin cậy của tài liệu địa chất**

Đánh giá mức độ khảo sát, đánh giá, thăm dò (nếu có), độ tin cậy của tài liệu địa chất đã được phê duyệt hoặc công nhận phục vụ công tác thiết kế và kiến nghị bổ sung (nếu có).

## **II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ**

### **1. Biên giới và khối lượng (trữ lượng) trong khai trường**

#### **1.1. Biên giới khai trường**

Nêu nguyên tắc và xác định ranh giới khai trường: tọa độ, mức sâu khai thác, diện tích khai trường.

#### **1.2. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản trong khai trường**

- Tính toán khối lượng (trữ lượng) khai trường bao gồm: Khối lượng (trữ lượng) địa chất trong ranh giới khảo sát, đánh giá và khối lượng (trữ lượng) địa chất dự kiến huy động vào khai thác (được quy đổi theo khoáng sản nguyên khai).

- Tính toán khối lượng đất thổ nhưỡng cần lưu giữ phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

### **2. Chế độ làm việc, công suất và thời gian khai thác**

- Xác định chế độ làm việc bộ phận trực tiếp, gián tiếp trong các công đoạn khai thác.

- Xác định công suất khai thác mỏ.

- Thời gian, chế độ khai thác: Trên cơ sở khối lượng (trữ lượng) dự kiến

huy động vào khai thác; tính toán thời gian khai thác phù hợp (bao gồm thời gian xây dựng cơ bản mỏ và thời gian khai thác).

### **3. Mở vỉa và trình tự khai thác**

#### **3.1. Mở vỉa**

Lựa chọn vị trí và phương pháp mở vỉa.

#### **3.2. Trình tự khai thác**

- Xây dựng, lập biểu đồ chế độ công tác mỏ.

- Công tác giải phóng mặt bằng.

- Công tác xây dựng cơ bản mỏ (nếu có): Xác định khối lượng, thời gian xây dựng cơ bản mỏ; tính toán chi tiết khối lượng, cung độ vận tải, khối lượng vận chuyển tính bằng tấn, km, đất bóc xây dựng cơ bản của từng tầng, từng năm, từng khu vực (nếu có).

- Trình tự khai thác, lịch khai thác:

+ Xây dựng trình tự khai thác mỏ phù hợp, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Xây dựng lịch bóc đất thổ nhường, lịch khai thác khoáng sản hàng năm.

### **4. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác**

- Mô tả công nghệ khai thác.

- Lập bảng thống kê các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

- Liệt kê danh mục các thiết bị khai thác, đặc tính kỹ thuật cơ bản các loại thiết bị chính.

### **5. Vận tải mỏ**

- Mô tả khối lượng vận tải và phương thức vận tải hợp lý. Mô tả năng suất và số lượng thiết bị vận tải cần thiết theo từng năm.

- Mô tả tuyến đường vận tải.

### **6. Công tác đổ thải (nếu có)**

- Xác định khối lượng chất thải loại không đủ tiêu chuẩn sử dụng cho các dự án, công trình sử dụng khoáng sản trong quá trình khai thác mỏ.

- Xác định vị trí, quy mô của bãi thải; biện pháp bảo đảm an toàn, thoát nước mặt.

### **7. Các hạng mục, công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động khai thác**

- Hệ thống cung cấp điện và trang bị điện.

- Hệ thống cấp nước và thoát nước.
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

### **8. Kỹ thuật an toàn**

- Mô tả các biện pháp bảo đảm an toàn cho cộng đồng dân cư xung quanh khu vực mỏ, các công trình cần bảo vệ.
- Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ.

### **9. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động**

- Xây dựng sơ đồ quản lý, tổ chức các bộ phận sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
- Xây dựng biên chế lao động; năng suất lao động.

### **10. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có)**

- Tính toán nhu cầu sử dụng đất; thông tin, số liệu về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có).
- Xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tiến độ khai thác mỏ.

### **11. Các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước**

Trình bày về các khoản thuế, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định hiện hành.

## **PHẦN II. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động khai thác khoáng sản có khả năng tác động xấu đến môi trường.

2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đa dạng sinh học; đánh giá hiện trạng môi trường; nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi khai thác khoáng sản.

3. Nhận dạng, đánh giá, dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của hoạt động khai thác khoáng sản đến môi trường; quy mô, tính chất của chất thải; tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa và yếu tố nhạy cảm khác; tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường.

4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải.

5. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường; phương án

cải tạo, phục hồi môi trường; phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có); phương án bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

6. Công trình, biện pháp cải tạo phục hồi môi trường khi đóng cửa mỏ khoáng sản; thông số kỹ thuật của mỏ sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.

7. Tính toán, xác định kinh phí để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

8. Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; tiến độ kỹ quỹ.

9. Kết luận, kiến nghị và cam kết của tổ chức khai thác.

**Tổ chức, cá nhân lập Phương án**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 1: BẢN ĐỒ, BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG**

<b>TT</b>	<b>Số ký hiệu<sup>105</sup></b>	<b>Tên bản vẽ</b>	<b>Số tờ</b>
<b>I</b>		<b>Phần địa chất</b>	
1		Bản đồ vị trí khu vực khai thác	
2		Sơ đồ địa chất, khoáng sản khu mỏ, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
3		Bình đồ tính khối lượng (trữ lượng) khoáng sản, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
4		Các mặt cắt địa chất, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
<b>II</b>		<b>Phần khai thác</b>	
1		Bản đồ mở vỉa, tỷ lệ 1:5.000	
2		Bản đồ giai đoạn xây dựng cơ bản (nếu có), tỷ lệ 1:5.000	
3		Bản đồ khai thác năm đạt công suất thiết kế, tỷ lệ 1:5.000	
4		Bản đồ kết thúc khai thác mỏ, tỷ lệ 1:5.000	
5		Sơ đồ hệ thống khai thác	
6		Bản đồ tổng mặt bằng chung toàn mỏ, tỷ lệ 1:2.000	
<b>III</b>		<b>Phần bảo vệ môi trường</b>	
1		Sơ đồ bố trí các công trình bảo vệ môi trường, vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường	
2		Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác, tỷ lệ 1:5.000	

<sup>105</sup> Số ký hiệu bản đồ, bản vẽ đảm bảo tính thống nhất, thuận tiện cho tìm kiếm và tra cứu

## **Phụ lục 2: DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Dự toán xây dựng công trình gồm các nội dung sau:

### **1. Phần thuyết minh**

Nêu căn cứ pháp lý và cơ sở lập dự toán xây dựng công trình.

### **2. Phần dự toán**

- Xác định khối lượng xây dựng của hạng mục công trình theo thiết kế.
- Xác định đơn giá dự toán xây dựng công trình.
- Lập các khoản mục chi phí dự toán xây dựng công trình theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành.

**Mẫu số 08 - Phụ lục**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**Tờ bìa**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực ..... thuộc (tên cấp xã)....., .....(tên cấp  
tỉnh).....*

**Địa danh....., tháng .... năm ....**

**Tờ phụ bìa**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
*(tên khoáng sản)..... tại khu vực ..... thuộc (tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN**  
**ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

**(Chức danh)**

*Chữ ký, đóng dấu*

*(Họ và tên)*

**ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN**  
**(nếu có)**

**(Chức danh)**

*Chữ ký, đóng dấu*

*(Họ và tên)*

**Địa danh....., tháng ..... năm .....**

## MỤC LỤC

### DANH MỤC BẢNG BIỂU

### DANH MỤC HÌNH VẼ

### DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

## PHẦN THUYẾT MINH MỞ ĐẦU

### **1. Thông tin chung**

- 1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

### **2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản**

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

### **2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản**

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án .....; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản

cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ..... quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

## **CHƯƠNG I**

### **HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

#### **1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản**

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

##### **1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)**

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

##### **1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế**

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ

(nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

## **2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản**

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

## **3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản**

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

# **CHƯƠNG III PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

## **1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản**

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau*

*khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.*

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

## **2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản**

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

## **3. Tiến độ thực hiện**

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

## **CHƯƠNG IV DỰ TOÁN KINH PHÍ**

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

## **CHƯƠNG V TỔ CHỨC THI CÔNG**

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

## **KẾT LUẬN**

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

## PHẦN PHỤ LỤC

### 1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

### 2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);

- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

**Mẫu số 11 - Phụ lục**

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-BNNMT

Địa danh....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày ..... tháng ..... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép .....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác .....(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực ....., .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....;*

*Căn cứ ý kiến của ..... về việc tham gia ý kiến đối với Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Biên bản phiên họp ngày ..... tháng ..... năm ..... của Hội đồng Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày ..... tháng ..... năm .....*;

*Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại .....(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày ..... tháng ..... năm .....; bổ sung ngày ..... tháng ..... năm .....*;

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản .....(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho .....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....  
 .....  
 .....  
 .....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ..... ha/km<sup>2</sup>, thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu ..... hệ VN 2000 kinh tuyến trực ....., múi chiếu ....., được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản:

Thực hiện theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của .....(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản)..... thẩm định và thông qua (thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

4. Thời gian thực hiện: ..... tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của .....

6. Đơn vị thực hiện: .....

**Điều 2.** .....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

có trách nhiệm:

Chỉ nêu các trách nhiệm chưa được quy định trong Luật Địa chất và khoáng sản, các luật khác có liên quan.

**Điều 3.** .....(*Tên cơ quan thẩm định hồ sơ*)..... có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Xác nhận hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật bảo vệ môi trường sau khi .....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... hoàn thành Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Điều 4.** Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát.....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*).....trong quá trình thi công các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

2. Kịp thời ngăn chặn và xử lý hoạt động khai thác, thu hồi khoáng sản trái phép trong khu vực thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Giải quyết các thủ tục có liên quan, đảm bảo thi công Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo đúng khối lượng và tiến độ.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, .....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- UBND tỉnh (thành phố).....;
- Cục ĐCKS Việt Nam;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Lưu: VT, HS,....

**BỘ TRƯỞNG**

*Chữ ký, đóng dấu*  
**(Họ và tên)**

**Phụ lục I**

**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-BNNMT ngày ..... tháng ..... năm .....  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ....., múi chiếu .....)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
<b>Tổng diện tích: ..... ha/km<sup>2</sup></b>			

**Phụ lục II**  
**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG**  
**ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-BNNMT ngày ..... tháng ..... năm .....  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

<b>STT</b>	<b>Hạng mục công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1				
2				
...				

**Mẫu số 12 - Phụ lục**

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
(THÀNH PHỐ) .....**

Số: ...../QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày ..... tháng ..... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép .....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác .....(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực ....., .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ ý kiến của ..... về việc tham gia ý kiến đối với Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Trên cơ sở Biên bản phiên họp ngày ..... tháng ..... năm ..... của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày .....

tháng ..... năm .....

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản) ..... nộp tại .....(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày ..... tháng ..... năm .....; bổ sung ngày ..... tháng ..... năm .....

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản .....(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho . .....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....  
.....  
.....  
.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ..... ha/km<sup>2</sup>, thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu ..... hệ VN 2000 kinh tuyến trực ....., múi chiếu ....., được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản:

Thực hiện theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được Hội đồng Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của .....(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản)..... thẩm định và thông qua (thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

4. Thời gian thực hiện: ..... tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của .....

6. Đơn vị thực hiện: .....

**Điều 2.** .....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm:

Chỉ nêu các trách nhiệm chưa được quy định trong Luật Địa chất và khoáng sản, các luật khác có liên quan.

**Điều 3.** .....(Tên cơ quan thẩm định hồ sơ)..... có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Xác nhận hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật bảo vệ môi trường sau khi .....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... hoàn thành Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Điều 4.** Ủy ban nhân dân xã (phường) ..... có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát .....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... trong quá trình thi công các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

2. Kịp thời ngăn chặn và xử lý hoạt động khai thác, thu hồi khoáng sản trái phép trong khu vực thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Giải quyết các thủ tục có liên quan, đảm bảo thi công Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo đúng khối lượng và tiến độ.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ....., Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, .....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*).....và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ NNN&MT;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...
- .....
- Lưu: VT, HS,....

**CHỦ TỊCH**

*Chữ ký, đóng dấu  
(Họ và tên)*

**Phụ lục I****TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm .....  
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ....., múi chiếu .....)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
<b>Tổng diện tích: ..... ha/km<sup>2</sup></b>			

**Phụ lục II**  
**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG**  
**ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm .....  
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

<b>STT</b>	<b>Hạng mục công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1				
2				
...				



.....; *bổ sung ngày ..... tháng ..... năm .....*;

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản .....(*tên loại khoáng sản*)..... tại khu vực..... thuộc .....(*tên cấp xã*)....., .....(*tên cấp tỉnh*)..... của ..... (*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....  
 .....  
 .....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ..... ha/km<sup>2</sup>, thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu ..... hệ VN 2000 kinh tuyến trực ....., múi chiều ....., được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Thông báo này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản: Thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Thông báo này.

4. Thời gian thực hiện: ..... tháng, kể từ ngày Thông báo này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của .....

6.....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ khối lượng của các hạng mục công việc theo tiến độ nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, khoáng sản, pháp luật khác có liên quan; quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng trong quá trình thi công phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; báo cáo bằng văn bản gửi Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam sau khi hoàn thành toàn bộ khối lượng của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... phải thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... để chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- ....(*Tên tổ chức, cá nhân*)...;
- UBND tỉnh (thành phố).....;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Các Cục: ĐCKS, MT;
- Lưu: VT, HS,....

**BỘ TRƯỞNG**

*Chữ ký, đóng dấu*  
**(Họ và tên)**

**Phụ lục I****TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số ...../QĐ-ĐCKS ngày ..... tháng ..... năm .....  
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ....., múi chiếu .....)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
<b>Tổng diện tích: ..... ha/km<sup>2</sup></b>			

**Phụ lục II**  
**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG**  
**PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
*(Kèm theo Thông báo số ...../QĐ-ĐCKS ngày ..... tháng ..... năm .....  
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)*

<b>STT</b>	<b>Hạng mục công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1				
2				
...				

**Mẫu số 14 - Phụ lục**

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
(THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../TB-UBND

Địa danh....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO****Về việc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản**

Kính gửi: ..... (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày ..... tháng ..... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép .....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác .....(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực ....., .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh).....;

Xét hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại .....(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày ..... tháng ..... năm .....; bổ sung ngày ..... tháng ..... năm .....

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... chấp thuận phương án đóng

cửa mỏ khoáng sản .....(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực ....., .....(tên cấp xã)....., .....(tên cấp tỉnh)..... của ..... (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....  
 .....  
 .....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ..... ha/km<sup>2</sup>, thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu ..... hệ VN 2000 kinh tuyến trực ....., múi chiếu ....., được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản: Thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

4. Thời gian thực hiện: ..... tháng, kể từ ngày Thông báo này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của .....

6.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ khối lượng của các hạng mục công việc theo tiến độ nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, khoáng sản, pháp luật khác có liên quan; quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng trong quá trình thi công phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; báo cáo bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... sau khi hoàn thành toàn bộ khối lượng của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... phải thông báo cho Ủy ban nhân dân xã (phường) .... để chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- ....(Tên tổ chức, cá nhân)....;
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND xã (phường)....;
- Lưu: VT, HS,....

**CHỦ TỊCH**

Chữ ký, đóng dấu  
(Họ và tên)

**Phụ lục I****TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số ...../QĐ-ĐCKS ngày ..... tháng ..... năm .....  
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ....., múi chiếu .....)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
<b>Tổng diện tích: ..... ha/km<sup>2</sup></b>			

**Phụ lục II**  
**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG**  
**PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**  
*(Kèm theo Thông báo số ...../QĐ-ĐCKS ngày ..... tháng ..... năm .....  
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)*

<b>STT</b>	<b>Hạng mục công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1				
2				
...				

**Mẫu số 03a - Phụ lục III**

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN .....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản**

Kính gửi: ....(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do .....(tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Căn cước công dân số .....là nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công các công trình.....(tên dự án, công trình).....

Đề nghị cho phép được sử dụng khoáng sản.....(tên khoáng sản)..... để cung cấp cho Dự án, công trình.....(tên dự án, công trình).....

Diện tích bãi thải, bãi chứa tập kết khoáng sản được đề nghị sử dụng là..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>), tại vị trí .....(tên địa danh)....., toạ độ, diện tích khu vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị sử dụng: ..... (tấn, m<sup>3</sup>,...).

Mục đích sử dụng khoáng sản: .....

Thời gian sử dụng: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN .....**

**PHỤ LỤC**

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ BÃI THẢI, BÃI CHỨA TẬP KẾT KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản ngày ..... tháng  
..... năm ..... của .....*)

<b>Điểm góc</b>	<b>Hệ tọa độ VN-2000</b> (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	<b>X (m)</b>	<b>Y (m)</b>
1		
2		
...		
n		
<b>Diện tích: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>)</b>		

**Mẫu số 05 - Phụ lục III**

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../XN-UBND

Địa danh ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**Đăng ký thu hồi khoáng sản**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) .....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ...../...../TT-BNNMT ngày ..... tháng ..... năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Xét hồ sơ đề nghị thu hồi (hoặc sử dụng) khoáng sản ngày..... tháng ..... năm ..... của ..... (Tên tổ chức, cá nhân) .....

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**XÁC NHẬN:**

**Điều 1.** Xác nhận ..... (Tên tổ chức, cá nhân) ..... đã đăng ký thu hồi khoáng sản với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi: .....

2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực ..... thuộc ..... (tên cấp xã) ....., ..... (tên cấp tỉnh) .....

Thuộc phạm vi diện tích thực hiện Dự án đầu tư ..... (tên dự án<sup>106</sup>) .....

<sup>106</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, khoản 7 Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP.

3. Diện tích (hoặc không gian) thu hồi khoáng sản:

a) Diện tích: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>).

b) Mức sâu (nếu có): ..... (m)<sup>107</sup>.

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II<sup>108</sup> kèm theo.

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi: .....tấn (m<sup>3</sup>).

5. Mục đích sử dụng khoáng sản (nếu có): .....

6. Thời gian thu hồi khoáng sản: ..... tháng, kể từ ngày Giấy xác nhận này có hiệu lực.

**Điều 2.** ..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) ..... có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc thu hồi khoáng sản ..... (*Tên khoáng sản*) ..... theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại, kế hoạch nêu trên.

2. Thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân ..... (*Tên cấp tỉnh*) ..... để tổng hợp, quản lý theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi khoáng sản.

**Nơi nhận:**

- .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... (bản chính);
- Sở NNMT (bản chính);
- Cục ĐCKS VN (bản sao);
- Lưu:...

**CHỦ TỊCH**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

<sup>107</sup> Chỉ áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản.

<sup>108</sup> Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 và mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản ngày ..... tháng .....  
năm ..... của .....)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ..... múi chiếu .....)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
<b>Diện tích: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>)</b>		
<b>Mức sâu thu hồi thấp nhất (nếu có): ..... (m)</b>		

## **II. Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (số thứ tự 01) tại mục C như sau:**

### **1. Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản**

#### **1.1. Trình tự thực hiện**

**1.1.1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản**

##### **a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)**

Người sử dụng đất đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 97 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan chuyên môn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan thẩm định hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

##### **b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ**

Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

##### **c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ**

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản và kiểm tra tại thực địa.

- Trong thời hạn không quá 21 ngày làm việc, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi. Trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm I trong diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản (nằm ngoài diện tích khu vực khai thác) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đối với trường hợp thu hồi khoáng sản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản, cơ quan thẩm định hồ sơ lấy ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành khu vực thực hiện nạo vét về dự án, kế hoạch nạo vét. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc

thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản.

*\* Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện. Thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.*

#### ***d) Bước 4: Xem xét, quyết định***

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan thẩm định hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản. Trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### ***đ) Bước 5: Trả kết quả***

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp quản lý, giám sát thực hiện.

***1.1.2. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản***

#### ***a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)***

Chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV dôi dư trong quá trình thi công, thực hiện đề án, công trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa (bãi thải, bãi chứa quy định tại khoản 7 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan chuyên môn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan thẩm định hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

### ***b) Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định***

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức xem xét, kiểm tra thực địa và quyết định việc cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### ***c) Bước 3: Trả kết quả***

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

#### ***a) Thành phần hồ sơ:***

*\* Đối với người sử dụng đất đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: thu hồi khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp):*

- Bản chính bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 03 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản sao hợp lệ giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có);

- Bản sao hợp lệ quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có);

- Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*\* Đối với chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản:*

Bản chính văn bản đề nghị sử dụng khoáng sản (Mẫu số 03a - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026); nội

dung văn bản phải thể hiện các thông tin gồm: Loại khoáng sản; khối lượng khoáng sản đề nghị được sử dụng; mục đích sử dụng; tiến độ, thời gian thực hiện hoạt động sử dụng khoáng sản.

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

#### **1.4. Thời hạn giải quyết**

*\* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản*

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;
- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định);
- Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;
- Thời hạn trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

*\* Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản*

- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công;
- Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 06 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

**1.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Văn bản đề nghị sử dụng khoáng sản (Mẫu số 03a - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

### **1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, người sử dụng đất chỉ được thu hồi khoáng sản khi bắt buộc phải san gạt, đào đắp bề mặt địa hình tạo mặt bằng xây dựng các hạng mục của công trình đó.

### **1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2025/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

**Mẫu số 02 - Phụ lục III**

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN .....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa danh....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

**Bản đăng ký thu hồi khoáng sản**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) .....

Trụ sở tại: .....

Điện thoại: ....., Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... do ..... (*tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*) ..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... do ..... (*tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư*) ..... cấp; hoặc Căn cước công dân số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... cấp tại .....

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản ..... (*tên khoáng sản*) ..... trong quá trình thực hiện Dự án ..... (*Tên dự án đầu tư*) .....

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>), tọa độ, diện tích khu vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi: ..... (tấn, m<sup>3</sup>, .....)

Thời gian thu hồi: Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... đến ngày ..... tháng ..... năm .....

(*Có Báo cáo vị trí, khối lượng, chủng loại, thời gian thực hiện thu hồi khoáng sản kèm theo*)

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) ..... cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN .....**

**PHỤ LỤC**

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐĂNG KÝ THU HỒI KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Bản đăng ký thu hồi khoáng sản ngày ..... tháng ..... năm  
..... của .....*)

<b>Điểm góc</b>	<b>Hệ tọa độ VN-2000</b> (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	<b>X (m)</b>	<b>Y (m)</b>
1		
2		
...		
n		
<b>Diện tích: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>)</b>		
<b>Mức sâu thu hồi thấp nhất: ..... (m)</b>		

**Mẫu số 03a - Phụ lục III**

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản**

Kính gửi: ....(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày.....  
tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh  
nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng.....  
năm..... do .....(tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giấy phép đầu  
tư)..... cấp; hoặc Căn cước công dân số .....là nhà đầu tư hoặc  
nhà thầu thi công các công trình.....(tên dự án, công trình).....

Đề nghị cho phép được sử dụng khoáng sản.....(tên khoáng sản)..... để  
cung cấp cho Dự án, công trình.....(tên dự án, công trình).....

Diện tích bãi thải, bãi chứa tập kết khoáng sản được đề nghị sử dụng  
là..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>), tại vị trí .....(tên địa danh)....., toạ độ, diện tích khu  
vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị sử dụng: ..... (tấn, m<sup>3</sup>,...).

Mục đích sử dụng khoáng sản: .....

Thời gian sử dụng: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ...  
năm....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài  
chính và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của  
pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN .....**

**PHỤ LỤC**

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ BÃI THẢI, BÃI CHỨA TẬP KẾT KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản ngày ..... tháng  
..... năm ..... của .....*)

<b>Điểm góc</b>	<b>Hệ tọa độ VN-2000</b> (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	<b>X (m)</b>	<b>Y (m)</b>
1		
2		
...		
n		
<b>Diện tích: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>)</b>		

**Mẫu số 06 - Phụ lục III**

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND ..... (Tên cấp xã) .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../XN-UBND

Địa danh ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**Đăng ký thu hồi khoáng sản**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ...(Tên cấp xã)...**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số ...../...../TT-BNNMT ngày ..... tháng ..... năm ..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Xét hồ sơ đăng ký thu hồi khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của .....(Tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của ..... (Thủ trưởng đơn vị thẩm định hồ sơ) .....

**XÁC NHẬN:**

**Điều 1.** Xác nhận ..... (Tên tổ chức, cá nhân) .....đã đăng ký thu hồi khoáng sản với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi: .....
2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực ..... thuộc ..... (tên cấp xã) ....., ..... (tên cấp tỉnh) .....
3. Diện tích (hoặc không gian) thu hồi khoáng sản:
  - a) Diện tích: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>).
  - b) Mức sâu (nếu có): ..... (m).

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo<sup>109</sup>.

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi: ..... tấn (m<sup>3</sup>).

5. Mục đích sử dụng khoáng sản (nếu có): .....

6. Thời gian thu hồi khoáng sản: .....tháng, kể từ ngày Giấy xác nhận này có hiệu lực.

**Điều 2.** ..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) ..... có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc thu hồi khoáng sản ..... (*Tên khoáng sản*) ..... theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại nêu trên.

2. Thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân ..... (*Tên cấp xã*) ..... để tổng hợp, quản lý theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi khoáng sản.

**Nơi nhận:**

- .....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... (bản chính);
- UBND ...(*Tên cấp xã*)... (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (bản sao);
- Sở NNMT tỉnh (thành phố)..... (bản sao);
- Lưu:...

**CHỦ TỊCH**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

<sup>109</sup> Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, lấy theo tọa độ, vị trí thửa đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất. Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất thì lấy thông tin liên quan đến số hiệu của thửa đất.

UBND ..... (Tên cấp xã) .....

### PHỤ LỤC

#### RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản ngày .....  
tháng ..... năm..... của .....)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
<b>Diện tích: ..... (ha, m<sup>2</sup>, km<sup>2</sup>)</b>		
<b>Mức sâu thu hồi thấp nhất (nếu có): ..... (m)</b>		

**Lưu ý:** Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, lấy theo tọa độ, vị trí thửa đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất. Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất thì lấy thông tin liên quan đến số hiệu của thửa đất.